

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Giấy Chứng nhận ĐKDN số 4800104012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 07/8/2018.

Thời gian: 7 giờ thứ năm ngày 31 tháng 10 năm 2019

Địa điểm: Hội trường Công ty, Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP**

**I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:**

- Người báo cáo: Bà Hoàng Thị Quyết – Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Nội dung báo cáo:
  - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 15/10/2019, sở hữu 3.527.925 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng
  - Cổ đông tham dự Đại hội: 219 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 3.121.546 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,48 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
  - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

**II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.**

**1. Đoàn Chủ tịch:**

Ông Nông Văn Lạc

Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội

Ông Ma Trung Lập

Thành viên HĐQT

Bà Hoàng Thị Quyết

Trưởng Ban kiểm soát

**2. Ban Thư ký:**

Bà Chu Thị Hương Giang

Trưởng ban Thư ký

Ông Nông Văn Trình

Thành viên ban Thư ký

**3. Ban Kiểm Phiếu:**

Bà Hoàng Thị Hạnh

Trưởng ban Kiểm Phiếu

Bà Đàm Thị Huyền

Thành viên ban Kiểm phiếu

|                    |                           |
|--------------------|---------------------------|
| Bà Nông Thị Duyên  | Thành viên ban Kiểm phiếu |
| Bà Hoàng Ngọc Lan  | Thành viên ban Kiểm phiếu |
| Bà Bé Thị Thục     | Thành viên ban Kiểm phiếu |
| Bà Hoàng Thị Nương | Thành viên ban Kiểm phiếu |

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm Phiếu với tỷ lệ 100 % cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ tay biểu quyết.

### **III. Giới thiệu Chương trình Đại hội**

Ông Nông Văn Lạc – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ 100 % cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ tay biểu quyết.

### **IV. Giới thiệu Quy chế tổ chức**

Ông Nông Văn Lạc – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại hội nhất trí thông qua Quy chế tổ chức với tỷ lệ 100 % cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ tay biểu quyết.

## **PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

- Ông Ma Trung Lập trình bày: Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ NĐTC 2018 - 2019 và phương hướng nhiệm vụ NĐTC 2019 - 2020.
- Bà Hoàng Thị Quyết trình bày: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2018 - 2019 và phương hướng hoạt động niên độ tài chính 2019 - 2020.
- Ông Nông Văn Thuyết trình bày: Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2018 - 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2019 - 2020.
- Bà Mã thị Quyết trình bày: Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2018 - 2019.
- Ông Nông Văn Lạc trình bày: Tờ trình Thông qua Báo cáo HĐQT, BKS.
- Ông Nông Văn Lạc trình bày: Tờ trình Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh NĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh NĐTC 2019 - 2020.
- Bà Mã Thị Quyết trình bày: Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2018 - 2019.
- Bà Mã Thị Quyết trình bày: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 - 2020
- Bà Mã Thị Quyết trình bày: Tờ trình thù lao của HĐQT, BKS niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS niên độ 2019 - 2020
- Ông Ma Trung Lập trình bày: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán niên độ 2019 - 2020
- Ông Ma Trung Lập trình bày: Tờ trình việc chủ tịch HĐQT kiêm TGD
- Ông Ma Trung Lập trình bày: Tờ trình Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

### **PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:**

*Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng*

**Cổ đông nêu các câu hỏi sau:**

1. Tờ trình 428 thù lao chi trả cho Ban kiểm soát thấy trưởng ban có mức lương thấp hơn 2 thành viên vì vậy cần xem xét lại tăng hệ số cho trưởng ban.
2. Ở bản báo cáo 421 mục 3.4.3 thông qua trả tiền lương bán thành phẩm cho Xí nghiệp Vi sinh theo số lượng được xác định cụ thể; thì lương bán thành phẩm còn tồn trong kho đề nghị Công ty xem xét tính toán số lượng để tính trả lương cho xí nghiệp.

**Giải đáp:**

**1. Bà Mã Thị Quyết - Kế toán trưởng giải đáp câu hỏi 1 như sau:**

Đối với lương của trưởng ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách trong đó đã có cả phụ cấp nhưng do đ/c hưởng lương hành chính nên mức thu nhập là như vậy. Đối với lương của 2 thành viên là hưởng lương chức danh cộng thêm lương làm thêm 2 đ/c đi ca đêm, làm thêm giờ ngày chủ nhật, kiêm nhiệm thêm công việc nên mức lương của 2 thành viên cao hơn trưởng ban.

**2. Ông Nông Văn Lạc - Chủ tịch HĐQT giải đáp câu hỏi 2 như sau:**

Về số lượng bán thành phẩm của Xí nghiệp vi sinh vừa qua Công ty đã thành lập tổ đi đo xác định số lượng đã có. Trong thời gian tới Công ty sẽ tính toán và chi trả cho xí nghiệp.

#### **PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT**

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1: Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch niên độ 2019 – 2020.**

**Phản biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 205 đại diện cho: 3.073.130 cp, chiếm: 98,4490% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0 cp, chiếm: 0,00% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 1, đại diện cho: 6.585 cp, chiếm: 0,2110% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 1, đại diện cho: 822cp, chiếm: 0,0263% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ 2019 – 2020.**

| STT | Chỉ tiêu                         | ĐVT | Thực hiện<br>NĐTC 2018 -<br>2019 | Kế hoạch<br>NĐTC 2019 -<br>2020 | KH/TH<br>(%) |
|-----|----------------------------------|-----|----------------------------------|---------------------------------|--------------|
| 1   | Sản lượng mía ép:                |     |                                  |                                 |              |
|     | - Sản lượng mía ép cho SX đường  | Tấn | 190,694                          | 162,000                         | 84.95        |
|     | - Sản lượng mía ép cho xuất khẩu | Tấn | 2,022                            | 0                               | -            |
| 2   | Sản lượng đường                  | Tấn | 18,945                           | 17,052                          | 90.00        |
| 3   | Sản lượng mật ri nhập kho        | Tấn | 8,373                            | 6,480                           | 77,39        |

**Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

|   |                                   |      |          |         |        |
|---|-----------------------------------|------|----------|---------|--------|
| 4 | Sản lượng phân vi sinh            | Tấn  | 25       | 0       |        |
|   | Sản lượng phân hữu cơ             | Tấn  | 1,261    | 6.000   | 475.81 |
| 5 | Tổng doanh thu                    | Tr.đ | 162,180  | 234,541 | 144.61 |
| 6 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr.đ | (28,755) | 1.655   |        |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế                | Tr.đ | (28,755) | 1.324   |        |

#### **Phản biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 204 đại diện cho: 3.071.170 cp, chiếm: 98,3862% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 01, đại diện cho: 6.585 cp, chiếm: 0,2110% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 01, đại diện cho: 1.960cp, chiếm: 0,0628% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 1, đại diện cho: 822cp, chiếm: 0,0263% số cổ phần biểu quyết dự họp.

#### **Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2018 – 2019.**

##### **Phản biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 204 đại diện cho: 3.066.113cp, chiếm: 98,2242% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0cp, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 1, đại diện cho: 1.960cp, chiếm: 0,0628% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 2, đại diện cho: 12.464cp, chiếm: 0,3993% số cổ phần biểu quyết dự họp.

#### **Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 – 2020.**

1. Không phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2018 – 2019.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 – 2020:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2019 – 2020 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là 1,324 triệu đồng. HĐQT đề xuất, sử dụng lợi nhuận sau thuế thực hiện của niên độ tài chính 2019 – 2020 để bù đắp lỗ lũy kế, số lợi nhuận còn lại (nếu có) công ty sẽ phân phối theo quy định.

##### **Phản biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 206 đại diện cho: 3.079.715cp, chiếm: 98,6599% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0cp, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cp, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

Tổng số phiếu không hợp lệ: 01, đại diện cho: 822 cp, chiếm: 0,0263% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 5: Thông qua thù lao của HĐQT, BKS niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS niên độ 2019 – 2020.**

Nội dung chi tiết thù lao của HĐQT, BKS trong tờ trình thù lao HĐQT, BKS niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS niên độ 2019 – 2020.

**Phản biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 205 đại diện cho: 3.073.130 cp, chiếm: 98,4490% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 1, đại diện cho: 6.585cp, chiếm: 0,2110% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0cp, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 1, đại diện cho: 822 cp, chiếm: 0,0263% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 6: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán niên độ 2019 – 2020.**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2019 - 2020.

**Phản biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 204 đại diện cho: 3.069.941cp, chiếm: 98,3468% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0 cp, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 02, đại diện cho: 9.774 cp, chiếm: 0,3131% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 01, đại diện cho: 822cp, chiếm: 0,0263% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 7: Thông qua việc chủ tịch HĐQT kiêm TGD.**

**Phản biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 204 đại diện cho: 3.074.331 cp, chiếm: 98,4874% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0 cp, chiếm: 0 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 2, đại diện cho: 5.384 cp, chiếm: 0,1725% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 1, đại diện cho: 822 cp, chiếm: 0,0263% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 8: Thông qua Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.**

*Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng*



**Phân biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: 206 đại diện cho: 3.079.715 cp, chiếm: 98,6599% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0, đại diện cho: 0cp, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0, đại diện cho: 0 cp, chiếm: 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: 01, đại diện cho: 822 cp, chiếm: 0,0263% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**PHẦN V: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP**

Bà: Chu Thị Hương Giang đọc Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. .

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với tỷ lệ 100 % cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giờ tay biểu quyết.

Biên bản này được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Đại hội kết thúc 12 giờ 30 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

*Cường*  
Chu Thị Hương Giang  
NTư  
Nông Văn Trình

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH****CHỦ TỊCH ĐOÀN***Nông Văn Lạc*

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**Căn cứ:**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 31/10/2019;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 31/10/2019.

**QUYẾT NGHỊ**

Ngày 31/10/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được tổ chức với sự tham gia của 219 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 3.121.546 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,4811% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1: Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch niên độ 2019 – 2020.**

**Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ 2019 – 2020.**

Kế hoạch kinh doanh niên độ 2019 - 2020:

| STT | Chỉ tiêu                         | ĐVT | Thực hiện<br>NĐTC 2018 -<br>2019 | Kế hoạch<br>NĐTC 2019 -<br>2020 | KH/TH<br>(%) |
|-----|----------------------------------|-----|----------------------------------|---------------------------------|--------------|
| 1   | Sản lượng mía ép:                |     |                                  |                                 |              |
|     | - Sản lượng mía ép cho SX đường  | Tấn | 190,694                          | 162,000                         | 84.95        |
|     | - Sản lượng mía ép cho xuất khẩu | Tấn | 2,022                            | 0                               | -            |
| 2   | Sản lượng đường                  | Tấn | 18,945                           | 17,052                          | 90.00        |
| 3   | Sản lượng mật ri nhập kho        | Tấn | 8,373                            | 6,480                           | 77,39        |
| 4   | Sản lượng phân vi sinh           | Tấn | 25                               | 0                               |              |

*Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng*

|   |                                   |      |          |         |        |
|---|-----------------------------------|------|----------|---------|--------|
|   | Sản lượng phân hữu cơ             | Tấn  | 1,261    | 6.000   | 475.81 |
| 5 | Tổng doanh thu                    | Tr.đ | 162,180  | 234,541 | 144.61 |
| 6 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr.đ | (28,755) | 1.655   |        |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế                | Tr.đ | (28,755) | 1.324   |        |

**Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2018 – 2019.**

**Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 – 2020.**

1. Không phân phối lợi nhuận năm 2017 – 2018
2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 – 2019

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2019 – 2020 của Công ty Cổ phần Mía đường, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là 1,324 triệu đồng. HĐQT đề xuất, sử dụng lợi nhuận sau thuế thực hiện của niên độ tài chính 2019 – 2020 để bù đắp lỗ lũy kế, số lợi nhuận còn lại (nếu có) công ty sẽ phân phối theo quy định.

**Điều 5: Thông qua thù lao của HĐQT, BKS niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS niên độ 2019 – 2020.**

1. Thù lao chi trả thực tế cho HĐQT, BKS niên độ 2018 – 2019:

Thù lao chi trả cho HĐQT:

Đơn vị: đồng

| Số TT            | Họ và tên       | Chức danh trong HĐQT | Chức danh quản lý | Thù lao HĐQT                 |                    |
|------------------|-----------------|----------------------|-------------------|------------------------------|--------------------|
|                  |                 |                      |                   | Tiền lương theo chức danh QL | Phụ cấp HĐQT       |
| 1                | Nông Văn Lạc    | Chủ tịch HĐQT        | Tổng Giám đốc     | 149,259,000                  | 29,280,000         |
| 2                | Ma Trung Lập    | Phó CT HĐQT          | Phó TGD           | 130,113,000                  | 24,705,000         |
| 3                | Lê Anh Tuấn     | Thường trực          | Tr.P. KHKD        | 98,153,000                   | 22,875,000         |
| 4                | Mã Thị Quyết    | Thành viên           | Kế toán trưởng    | 120,353,000                  | 21,045,000         |
| 5                | Nông Văn Thuyết | Thành viên           | NV P. Kỹ thuật    | 77,633,000                   | 21,045,000         |
| <b>Tổng cộng</b> |                 |                      |                   | <b>575,511,000</b>           | <b>118,950,000</b> |

Thù lao chi trả cho Ban kiểm soát:

Đơn vị: đồng

| Số TT | Họ và tên | Chức danh trong BKS | Chức danh quản lý | Thù lao BKS          |             |
|-------|-----------|---------------------|-------------------|----------------------|-------------|
|       |           |                     |                   | Tiền lương theo chức | Phụ cấp BKS |

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

|                  |                 |            |             | <b>danh QL</b>     |                   |
|------------------|-----------------|------------|-------------|--------------------|-------------------|
| 1                | Hoàng Thị Quyết | Trưởng BKS |             | 109,912,000        | 0                 |
| 2                | Trương Minh Đức | Thành viên | QĐ xưởng ĐL | 108,257,000        | 10,980,000        |
| 3                | Đinh Bế Đính    | Thành viên | QĐ xưởng CE | 124,536,000        | 10,980,000        |
| <b>Tổng cộng</b> |                 |            |             | <b>342,705,000</b> | <b>21,960,000</b> |

2. Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS; Ban TGD trong năm 2019 – 2020 (từ tháng 07/2019 đến hết tháng 06/2020):

Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý Công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2019 - 2020 của Công ty.

Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số phụ cấp:

- Đối với thành viên HĐQT: Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,6/ tháng;  
Phó Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng;  
Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,25/ tháng;  
Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.
- Đối với thành viên BKS: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng;  
Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu của Công ty áp dụng là: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2019 – 2020.

Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

#### **Điều 6: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán niên độ 2019 – 2020.**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2018 - 2019.

#### **Điều 7: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.**

#### **Điều 8: Thông qua Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.**

1. Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng tính đến ngày 31/07/2020: Tổng Giám đốc (Căn cứ khoản 5 Điều 2 Điều lệ công ty).

2. Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng kể từ ngày 01/08/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị.



Ủy quyền cho HĐQT sửa đổi Điều lệ và thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo Pháp luật của công ty sao cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nông Văn Lạc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Địa chỉ: Thôn Lũng Lô - Huyện Phục Hòa - Tỉnh Cao Bằng

Số điện thoại: 024 121 - Fax: 0206.829.111 - Email: caobangmiam@gmail.com

Văn phòng: Văn phòng đăng ký doanh nghiệp số 0000704017

**CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN****ĐIỀU HÀNH CÔNG CỐ ĐỒNG THUỐNG MIỄN 2019**

Thời gian: Thời gian 1 tháng, từ năm 2019

Địa điểm: Hội trường Công ty - Thôn Lũng Lô - Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

| S.T.T | Thời gian     | Nội dung (Dự kiến)   | Chủ trì                              |
|-------|---------------|--|--------------------------------------|
| 1     | 7:00 - 8:30   | Điểm lý thuyết dự đại hội  | Ban tổ chức                          |
| 2     | 8:30 - 9:30   | Kiểm nạp Đại hội, giới thiệu Đại biểu  | Ban tổ chức                          |
| 3     | 9:30 - 9:55   | Báo cáo kiểm tra tự cách đại biểu  | Trưởng Ban kiểm tra tự cách đại biểu |
| 4     | 9:55 - 10:00  | Giải trình Chủ tịch đoàn, cử thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu và thông qua Chương trình Đại hội, thông qua Quy chế tổ chức   | Chủ tọa                              |
| 5     | 10:00 - 10:30 | Các báo cáo tại Đại hội:<br>- Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ HĐQT 2018 - 2019 và phương hướng nhiệm vụ HĐQT 2019 - 2020;<br>- Báo cáo của TGO về kết quả sản xuất kinh doanh MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh MĐTC 2019 - 2020;<br>- Báo cáo hoạt động của BCS MĐTC 2018 - 2019 và phương hướng hoạt động MĐTC 2019 - 2020.  | Chủ tọa                              |
| 6     | 10:30 - 10:45 | Các tờ trình:<br>- Tờ trình Thông qua Báo cáo của HĐQT, BCS;<br>- Tờ trình Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh MĐTC 2019 - 2020;<br>- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán MĐTC 2018 - 2019;<br>- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận MĐTC 2019 - 2020;<br>- Tờ trình trả lại HĐQT, BCS, ban TGO MĐTC 2018 - 2019 và kế hoạch trả lại MĐTC 2019 - 2020;<br>- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán MĐTC 2019 - 2020;<br>- Tờ trình Thông qua việc Chủ tịch HĐQT liên nhận Tổng Giám đốc;<br>- Tờ trình Thông qua thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;<br>- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT. | Chủ tọa                              |
| 7     | 10:45 - 10:50 | Thảo luận các vấn đề bổ sung   | Chủ tọa                              |
| 8     | 10:50 - 10:55 | Hướng dẫn bầu quyền  | Ban kiểm phiếu                       |
| 9     | 10:55 - 11:00 | Nghỉ giải lao  |                                      |
| 10    | 11:00 - 11:20 | Công bố kết quả kiểm phiếu   | Đại diện Ban kiểm phiếu              |
| 11    | 11:20 - 11:40 | Thông qua Điều lệ, Nghị quyết tại Đại hội  | Thư ký, Chủ tọa                      |

DỰ THẢO

Cao Bằng, ngày 21 tháng 10 năm 2019



**QUY CHẾ TỔ CHỨC**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH/12 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

**Điều 1. Mục đích**

- Đảm bảo tính tự, nguyên tắc tăng và, hiệu quả tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng để ra quyết định và thành công các dự án.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyên tắc quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng và phạm vi**

- **Nội dung:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

**Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông (Theo Điều 17 Điều lệ Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng)**

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 10% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hoặc người hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được tiếp tục tại trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 10% tổng số phiếu biểu quyết.
- Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cơ sở đảng của Công ty Cổ phần Midea-Huân Cao Bằng và người đại diện theo ủy quyền của cơ sở đảng tại toàn Công đoàn cơ sở quyền biểu quyết (theo danh sách cơ sở đảng đăng ký trước ngày 15/05/2018) bầu cơ sở quyền theo ủy Đại hội đồng cơ sở đảng;
2. Các đảng viên hoặc đại diện theo ủy quyền của đây được gọi là "Đại biểu" khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cơ sở đảng, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ kỷ luật và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm hoặc cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
5. Không được ăn uống tại trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, từ các các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

#### **Điều 5. Đoàn Chủ tịch**

1. Đoàn Chủ tịch gồm 02 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 01 thành viên. Chủ tịch Đại hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tịch Đại hội đồng cơ sở đảng thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Midea-Huân Cao Bằng.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
  - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cơ sở đảng theo Chương trình của Hội đồng quản trị (HĐQT) được Đại hội đồng cơ sở đảng biểu quyết thông qua tại Đại hội;
  - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các vấn đề đang có trong chương trình;
  - c. Trình dự thảo, tiếp nhận những vấn đề cần trình để Đại hội biểu quyết;
  - d. Tiếp nhận những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Người chỉ hân việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **Điều 6. Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa hội thảo (chính qua Ban Tổ chức Đại hội), Chủ tịch nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cơ sở đảng và nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
  - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra và nhắc Đại biểu dự họp (tại văn phòng);
  - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, tiếp nhận, Nghi quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
  - c. Tiếp nhận, tổ chức Phiên thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
  - d. Ghi chép đầy đủ trong suốt quá trình diễn ra Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc các lưu ý của Ban thư ký Đại hội;
  - e. Báo cáo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

### **Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu**

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình có đồng ý dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình có đồng ý dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Misa được Cao Bằng được tiến hành.

### **Điều 8. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (không qua Ban Tổ chức Đại hội) và được Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
  - Phân tài tiền, phiếu biểu quyết, tổng kê số lượng và đồng ý dự Đại hội;
  - Ban kiểm phiếu phải tập hợp tiền tiền phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
  - Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
  - Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
  - Thực hiện việc kiểm phiếu báo cáo theo quy định tại Quy chế tổ chức, công tác và bầu cử tại Đại hội;
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thủ tục biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại và kết quả kiểm phiếu.

### **Điều 9. Thủ tục tại Đại hội**

1. Nguyên tắc:
  - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
  - Đại biểu có ý kiến đóng góp nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển của Ban Thư ký;
  - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch;
  - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch mời tại nơi được phân bổ, thời gian Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, trình trịnh lập.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
  - Trình cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian ra thăm, các nhà tù chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội tại được Công ty Cổ phần Nhà đường Cao Bằng thì trả trực tiếp bằng văn bản.

## **Điều 16. Biểu quyết thông qua các văn bản**

### **1. Nguyên tắc:**

- Tất cả các văn bản trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng và đồng thuận hoặc đồng thuận và cần phải biểu quyết bằng một bằng cách gọi là biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.
- Biểu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu đỏ và ghi trực tiếp của đại biểu tại đại hội (theo mẫu hệ số). Hệ thống do ĐENOCITY, trước đại biểu được cấp 04 Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi số một số đại biểu, họ tên, số số phiếu có biểu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các văn bản để tại Đại hội đồng cử đồng thường niên năm 2019 như sau:
  - + Biểu quyết bằng hình thức gọi tay biểu quyết hình thức này được dùng để thông qua các văn bản như Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, Thành phần Ban kiểm phiếu, thông qua Điều lệ Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội biểu quyết.
  - + Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết hình thức này được dùng để thông qua các nội dung từ hình thức tại, được các thành viên và ghi số trong từng phiếu biểu quyết gọi cho mỗi số đang.

### **2. Cách thức biểu quyết:**

- Đại biểu đại diện vào biểu quyết ở Tâm thành, Không tin thành hoặc Không ý kiến của các đại biểu được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách gọi tay tại Đại hội biểu quyết hoặc điền vào phiếu in họ tên trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung của biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức gọi tay biểu quyết, Cử đồng gọi của Tay tương tự phân Đoàn Chi cục. Nếu có trên 50% Cử đồng biểu quyết gọi Tay thì các đại biểu của biểu quyết được nhất trí thông qua.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu/biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án: "Tâm thành", "Không tin thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "-" vào ô thích hợp. Sau khi hoàn tất thì các nội dung của biểu quyết của Đại hội, đại biểu gọi Phiếu biểu quyết và thông phiếu kín để được nhận phòng tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký của đại biểu.

### **3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Phiếu không phải do Đoàn cử chức phân ra;
- Phiếu không có chữ ký chữ ký của Đại biểu;
- Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Các văn bản biểu quyết không được lưu chọn hoặc lưu chọn nhiều hơn một phương án cho một nội dung Đại hội.

### **4. Thủ tục biểu quyết (Cử cử quy định tại Khoản 3 và khoản 4, Điều 28 Điều lệ công ty)**

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp của thành:
- + Loại bỏ phần vi tổng số cổ phần của tổng hợp;
- + Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty;
- + Tổ chức lại, giải thể công ty.
- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp của thành.

#### **Điều 11. Điều hành, Nghị Quyết hợp Đại hội đồng cổ đông**

Điều hành hợp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đạo và thông qua trước khi tổ chức Đại hội.

#### **Điều 12. Thời hành Quy chế**

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty Cổ phần Midea Dương Cao Bằng và Luật Doanh nghiệp.

*Quy chế tổ chức BHHCB này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Midea Dương Cao Bằng biểu quyết thông qua.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nông Văn Lợi**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**  
Địa chỉ: Thị trấn Tân Lãng - Huyện Phục Hòa - Tỉnh Cao Bằng  
Điện thoại: 0206.3824121 - Fax: 0206.3824113

ISO 9001: 2015

Mã số thuế: 4800104012

Số: *ĐĐ*/BC-HĐQT

Phục Hòa, ngày *24* tháng 10 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN VỤ 2018-2019**  
**VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2019-2020**  
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên)

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NIÊN VỤ 2018 - 2019**

Theo qui định tại Điều lệ hoạt động Công ty, Tổ chức thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2019 là 05 người,

Niên vụ 2018-2019 hoạt động của HĐQT với đầy đủ 05 thành viên, không có biến động và bổ sung thành viên.

**1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị**

**1.1. Tình hình chung:**

Niên vụ 2018-2019 là một năm đặc biệt khó khăn cho ngành đường Việt Nam. Giá đường giảm sâu do tình hình dư cung lớn, giá bán buôn đường bình trung giảm đạt mức thấp 320-330 USD/tấn. Do áp lực giảm nhập liệu, áp lực về việc xóa bỏ hạn ngạch thuế quan đối với một hàng đường theo hiệp định AFTA từ ngày 01/01/2018. Tốc độ tăng trưởng thực vụ sản xuất 2018-2019 lượng đường sản khoảng 600.000-800.000 tấn.

Tổng diện tích mía cả nước là 218.067.241,407 ha đạt 98,61% so với vụ trước, Tổng sản lượng mía: 12.809.809/15.400.648 tấn, đạt 77,36% so với vụ trước, Năng suất mía bình quân 60,41/ 63,9 tấn/ha đạt 94,3 9% so với vụ trước.

Chiều dài mía ép niên vụ 2018-2019 giảm từ 350.000-850.000 tấn mía 10 CUS. Giảm từ 130.000 - 200.000 đồng/tấn so với vụ trước, tập theo từng nhà máy.

Niên vụ 2018 -2019 cả nước: Có 36 nhà máy đường hoạt động. Kết thúc vụ sản xuất nhà máy đã ép được khoảng 12 triệu tấn mía, sản lượng đường đạt sắp tới 1,2 triệu tấn, giảm 09 % so với vụ trước.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

**2.1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**2.1.1. Về phát triển vùng nguyên liệu**

Thực hiện Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc (Phê duyệt) bổ sung quy hoạch vùng trồng cây nguyên liệu giai đoạn 2012-2015; HĐQT đã tập thể ban hành các chính sách phù hợp với từng giai đoạn để ổn định



| Cộng phần XDCH                                | 1.182 |
|---|-------|
| - Máy móc, thiết bị mua mới, lắp đặt ban đầu: |       |
| 1. Tài sản cố định, cơ máy áp - 1 tá          | 1.003 |
| 2. Hệ thống thiết bị sấy đường TP - 1 HT      | 823   |
| 3. Bộ qui chế sấy 1 bộ tải - 1 bộ             | 1.159 |
| 4. Máy bơm ly tâm - 1 cái                     | 340   |
| 5. Máy in (Phan SGP 600                       | 88    |
| Cộng phần thiết bị                            | 3.613 |

Tổng vốn đầu tư thực hiện đầu tư XDGB và mua sắm thiết bị trong năm là 4.795 triệu đồng, sử dụng từ nguồn vốn tự có.

3.3. *Verb order and the relative clause*

337

Công ty hoàn toàn tôn trọng quyền, đặc quyền, lợi ích công việc chính, tinh thần của người lao động, khuyến khích sự phấn đấu, đóng góp của người lao động vào mục đích phát triển của Công ty. Chất lượng đời sống của bộ CNV lao động ngày càng được nâng cao, thông qua việc đảm bảo giữ vững lợi ích hàng năm, từ hoạt lực đời sống của bộ quản lý các đơn vị, các thành viên của các đơn vị khác, học tập với nhau của thành viên của Công ty.

1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26

Hiện nay Công ty đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ các và quản chế các chỉ tiêu để các máy tính làm việc được, hệ thống có hiệu quả, chất lượng công việc được nâng lên.

11. *Journal of the American Medical Association*, 2000; 283: 2689-2694.

Công tác xử lý nước thải, rác thải công nghiệp, khu chứa hóa chất... bảo vệ môi trường được HĐQT đặc biệt quan tâm tiếp tục được đưa ra luận điểm, định hướng toàn bộ mệnh san khi phục vụ công tác sản xuất chế biến đường đều được xử lý theo đúng qui định trước khi xả ra môi trường. Các chất thải có yếu tố độc hại ngay trước khi được đưa lại đường được xử lý định kỳ và vận chuyển đến các đơn vị chuyên môn.

11.11.2017 10:55:11 AM

Công ty luôn tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ : an ninh quốc phòng, Quỹ nâng dân, khuyến học, ủng hộ các địa phương khi gặp thiên tai...

### 2.1.1. Low income states in dollar terms

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Bảo toàn AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018, 2019.

1. *Blackburn, J. M., & Hodge, K. R. (1988). The evolution of the*

Trong năm qua HĐQT đã thực hiện hợp đồng ký và đặt xuất đã giải quyết, và ký công việc được kịp thời. Tại các kỳ họp HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của ủy ban, xác định nhiệm vụ, đưa ra các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ của ủy ban.

© Các bài báo của HINET trong năm 1993, 1994

**1.1. Kì họp thứ nhất (từ 01/11/2017)**

Ngày 01/11/2018 HĐQT đã xem xét thông nhất thông qua các nội dung:

*Các nội dung đã được nhất trí:*

1.1.1. Thông nhất giá mua lúa nguyên liệu vụ 2018-2019:

- Tại ruộng 870 đ/kg.
- Tại nhà máy 938 đ/kg.

1.1.2. Thông qua sản lượng mua lúa thêm cho Trung Quốc 32.000 tấn (Tổng cộng 60.000 tấn) mua giảm tại các hội Công ty.

1.1.3. Nhất trí các nội dung các điều khoản ghi trong biên bản Hợp tác đầu tư sản xuất và xuất khẩu lúa sang Trung Quốc (Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cồn Lớn, Long Châu, Trung Quốc).

1.1.4. Nhất trí nhận nợ Ngân hàng N&PNTN Phục Hòa 30 tỷ.

1.1.4. Nhất trí vay tại Đoàn Thể Tưng-Vinh Phúc số lượng 10 tỷ để xuất theo N&PNTN và thêm thuế thu nhập cá nhân.

**1.2. Kì họp thứ hai (từ 02/11/2017)**

Ngày 02/11/2019 HĐQT đã xem xét thông nhất thông qua các nội dung:

*Các nội dung đã được nhất trí:*

1.2.1. Thông nhất điều chỉnh giá mua giảm từ 870 đ/kg còn 800đ/kg.

**1.3. Kì họp thứ ba (từ 03/11/2017)**

Ngày 03/04/2019 HĐQT đã xem xét thông nhất thông qua các nội dung:

*Nội dung đã được nhất trí:*

1.3.1. Nhất trí giá mua lúa còn lại không thay đổi 800đ/kg (mua sau 3/4/19 chất lượng giảm còn khoảng 41.000 tấn).

1.3.2. Nhất trí ghi kho nhập hàng đường tại Công ty TNHH Đức Lộc - Thái Tưng-Vinh Phúc thông qua Hợp đồng nguyên tắc.

1.3.3. Nhất trí chủ trương đưa lao động sau vụ ép đi làm tại Thủy Khẩu Trung Quốc.

**1.4. Kì họp thứ tư (từ 04/11/2017)**

Ngày 30/05/2019 HĐQT đã xem xét thông nhất thông qua các nội dung:

*Các nội dung đã được nhất trí:*

1.4.1. Cho lao động giảm tiếp tại cả các đơn vị trong Công ty thay nhau nghỉ không lương sau vụ ép.

1.4.2. Thông qua các nội dung nộp BHXH và mức hỗ trợ cho người lao động không hỗ trợ được việc làm sau vụ ép.

1.4.3. Thông qua từ sản lượng bán thành phẩm cho xí nghiệp phân Vi sinh cho đơn giá 58.000đ/tấn ép. Số lượng phải được xác định cụ thể.

1.4.4. Cho lao động không hỗ trợ được việc làm sau vụ sản xuất của Công ty được làm việc tại Công ty TNHH Thực nghiệm Tân Mỹ, Long Châu-Trung Quốc. Thời gian lao động bên Trung Quốc từ 15/8 đến 15/11/2019.

3.4.5. Ký Hợp đồng mua bán nước của cho Công ty TNHH Thực nghiệm Tân Mỹ, Long Châu-Trung Quốc.

- Nước đường, cao ly sản phẩm 65-70 Đx.

- Nước đường, cao lỏng 14 Đx. Số lượng và 2 loại: 3.800 tấn quy đường.

3.4.6. Thống qua nội dung đề án tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian hoàn thành lập dự án trước tháng 12/2018.

#### 3.5. Ký hợp chất năm (tổ 85000QT)

Ngày 5/10/2009 HSHQT đã xem xét thông nhất thống qua các nội dung:

3.5.1. Thời gian tổ chức ĐHCHD thường niên năm 2019 vào ngày 31/10/2009.

3.5.2. Các công tác chuẩn bị cho ĐHCHD thường niên năm 2019.

- Công ty thuê tư vấn tư nhân ĐHCHD.

- Các báo cáo của công ty trình ĐHCHD

#### 4. Thành quả sản phẩm hoạt động của HSHQT.

4.1. Trong năm 2018-2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, đã thường xuyên đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Ban hành 03 Nghị quyết nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đưa ra các giải pháp chỉ đạo hợp lý nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã giao.

4.2. Trong quá trình hoạt động HSHQT đã phối hợp tương đối tốt giữa các đơn vị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, đã thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty; thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4.3. Thực hiện đầu tư Xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững theo diện tích đã được qui hoạch, từng bước đưa cơ giới hoá vào sản xuất cây mía, đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cung cấp đủ cho nhà máy hoạt động theo công suất nhà máy.

Đầu tư thiết bị dây chuyền chế biến mía, cải tạo, đổi mới thiết bị, để nâng cao hiệu suất ép, hiệu suất sàng bã mía, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, cải thiện Điều kiện làm việc cho người lao động, tạo sự gắn bó của CBCNV lao động với Công ty; Các hoạt động của Công ty đã đi vào nề nếp và hiệu quả và đóng góp ngân sách Nhà nước.

4.4. Hoạt động giữa các Hội đồng quản trị với Ban điều hành:

4.4.1. HSHQT đã thực hiện các việc phân công phụ trách công tác giám sát cho từng thành viên HSHQT, giám sát hoạt động Ban điều hành và các lĩnh vực hoạt động của Công ty trong công tác triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCHD, Nghị quyết HSHQT; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của TOD, Ban TGD.

4.4.2. Năm độ 2018-2019 TOD, Ban TGD đã tích cực thực hiện các Nghị quyết của ĐHCHD, HSHQT và các khuyến cáo của BKS, hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.

#### 5. Những hạn chế của tại và nguyên nhân:

\* Tồn tại:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

- Tăng nguyên liệu mìn vẫn còn sản xuất theo tập quán cũ, đầu tư ít; quy mô nhỏ và manh mún; việc trồng và chăm sóc mìn theo quy trình kỹ thuật chưa được áp dụng; hệ quan tâm đến mìn. Việc đưa cơ giới vào sản xuất mìn còn thấp, chưa phổ biến rộng rãi, chưa được phục được người trồng mìn áp dụng các kỹ thuật canh tác theo qui trình kỹ thuật trồng hoặc cơ giới hóa sản xuất mìn. Diện tích trồng mới, diện tích mìn cho vụ 2019-2020 giảm nhiều, chất lượng mìn KUSO có xu hướng giảm.

- Tình bị sâu mọt đã cũ, việc dẫn ra bộ sang chưa đồng bộ. Nên chưa đạt yêu cầu về hệ số an toàn thiết bị, tăng hiệu suất thu hoạch, về năng suất chất lượng sản phẩm (ổn định, độ mìn của sản phẩm đường chưa đồng đều, chưa đạt chỉ tiêu, xuất vụ thường muộn mìn, độ ẩm tăng).

- Chưa ra được Nghị quyết chuyển đổi về việc xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mìn ổn định, bền vững. Vùng mìn có chất lượng, năng suất, chất đường, cao.

**\* Nguyên nhân:**

- Việc xây dựng, chương trình kế hoạch công tác đối với công tác xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mìn còn mang tính định hướng, vào dự án còn dân trí, thiếu tập trung trọng điểm. Chưa có kế hoạch, biện pháp xử lý biến quyết, kịp thời, các điểm những điểm yếu của các mô hình, dự án về trồng mìn.

- Việc chuyển từ các nguồn lực để đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu mìn ổn định theo quy hoạch, đáp ứng chi công suất 1.800 tấn mìn ngày với diện tích 1.200 ha sản phẩm hạn chế. Việc duy trì thành cơ giới phải sẽ thay đổi giống mìn mới có năng suất, chất lượng cao như: Giống K83, K84; 25, Q8 42, Q144, Q895-159... thay thế cho các giống mìn cũ đã bị thoái hóa, còn thực hiện sản phẩm. Thêm một nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến việc giữ và ổn định vùng, diện tích mìn nguyên liệu là hiện nay giữ mìn thấp không vào kịp dẫn người nông dân trồng mìn.

- Chưa ra được Nghị quyết chuyển đổi về việc nâng cao chất lượng đường thành phẩm. Hội đồng khoa học kỹ thuật của Công ty ít hoạt động. Chưa tổ chức được các cuộc họp, hội thảo để đưa ra phương hướng, giải pháp xử lý một số các nguyên nhân trong quá trình sản xuất, bảo quản... gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIÊN VỤ 2019-2020.**

**A. Nhiệm vụ định tính định lượng.**

Theo nhận định của tổ chức mìn đường quốc tế (ISO) khả năng đến giai đoạn của xuất cung có thể giá đường sẽ tăng như trong vụ tới.

Tình hình chủng hoặc lên đường từ Thái Lan vẫn chưa thực hiện được tiếp tế.

Vì vậy để ổn định và phát triển trong thời gian tới chúng ta phải tìm cách giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

**B. Mục tiêu kế hoạch sản xuất bình thường năm vụ 2019 - 2020**

1. Diện tích mìn nguyên liệu đạt 2.425 ha và 100

Trong đó diện tích trồng mới 1.100 ha

2. Năng suất bình quân đạt : 61 tấn/ha và 100

3. Sản lượng mìn đạt : 162.000 tấn/mìn và 100

4. Tỷ lệ mìn/đường : 8,5 mìn/100 đường

5. Hiệu suất tổng thu lãi : 84,45%

6. Công suất chỉ tiêu thực tế bình quân: 1.650 tấn/ngày.

7. Sản lượng đường nhập khẩu: 2.17.852,6 tấn

8. Sản lượng đường tiêu thụ: 21.287 tấn

9. Sản lượng Mật rỉ tiêu thụ: 6.480 tấn

10. Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ đạt: 6.000 tấn

11. Tổng doanh thu đạt: 234.541 triệu đồng

12. Lợi nhuận trước thuế đạt: 1.653 triệu đồng

13. Hạng ngân sách Nhà nước: B1)

14. Chế độ đạt ..... %/năm

### **C. Một số giải pháp thực hiện trong năm vụ 2015-2016**

#### **1. Bổ sung hoàn thiện các Quy chế sau:**

1.1. Quy chế quản trị doanh nghiệp.

1.2. Quy chế Quản lý lao động và chế độ tiền lương, tiền thưởng.

1.3. Sửa đổi Bộ sung có hiệu quả 10 thông quản lý chất lượng của phân theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2005.

#### **2. Về tổ chức quản trị)**

2.1. Tiếp tục xem xét bộ máy và Ban Tổng giám đốc dẫn của đơn vị, cương vị theo hướng tinh giảm lao động nhưng hoạt động có hiệu quả.

2.2. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện bộ tiêu chuẩn các chức danh, cương vị gắn với tiêu chuẩn cấp bậc, tiền lương.

2.3. Hàng năm thực hiện đánh giá năng lực công tác và tập phân tin nhiệm vụ của cán bộ quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động cũng khai minh bạch.

2.4. Tổ chức thu gom và tiêu thụ bã mía, tro lò cho vùng nguyên liệu mía.

#### **3. Về xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía:**

3.1. Tập trung nguồn lực đầu tư vào khâu giống, cơ giới hóa, kỹ thuật canh tác; triển khai chống giống mía mới, mở rộng diện canh tác năng suất cao.

3.2. Bê kết diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu mía cho nhà máy, đánh giá khả năng cung cấp nguyên liệu, tiếp tục xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ cho nông dân theo hướng khuyến khích tăng năng suất, chất lượng mía; Đảm bảo xây dựng được vùng nguyên liệu mía phát triển ổn định bền vững.

3.3. Đáp thành các giải pháp về thay đổi giống mía mới, đánh giá kết quả khảo nghiệm các giống mía: Giống KKC, BOC 27, QD 42, QD48, QH93-199...

3.4. Tổ chức các công tác đến chất vận chuyển, đảm bảo mía chất lượng được chuyển ngay về chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.

3.5. Triển khai đề án Hợp tác sản xuất và xuất khẩu mía sang Trung Quốc. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch xuất khẩu mía ép sang Trung Quốc và nhập khẩu mía giống mới từ trung quốc theo đề án.

#### **4. Về Đầu tư thiết bị dây chuyền chế Chế biến:**

Tiếp tục thực hiện đầu tư để nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất phổ biến để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lưu chọn tỷ lệ sản xuất tổng loại sản phẩm đường Trắng, đường Vàng phù hợp, để tối thiểu chi phí, nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng sản phẩm.

### 5. Về tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tạo lập kênh phân phối đa dạng thông qua ký kết Hợp đồng với các khách hàng truyền thống. Tăng cường thị phần bán tại thị trường các tỉnh lân cận như: Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang.

- Hợp tác đầu tư tiêu thụ xuất khẩu nội và bán thành phẩm cho các đối tác Trung quốc

### 6. Về tiêu thụ sản phẩm sau đường:

6.1. Mở rộng tiêu thụ cho các khách hàng truyền thống.

6.2. Mở bán cho là chủ gom, tiêu thụ xuất bán cho các nông hộ trồng mía.

6.3. Mở bán bán cho khách hàng truyền thống để đầu tư thiết bị sàng và đóng ML.

### Phụ nhận

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu HĐQT, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chức danh**



**Nông Văn Lạc**

Số: 422 /BC-BKS

Phục Hòa, ngày 22 tháng 10 năm 2019

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NDTC 2018- 2019**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (DHECD) thường niên năm độ 2018-2019 của Công ty CP mía đường Cao Bằng ngày 09/11/2018;

Ban kiểm soát báo cáo trước DHECD về công tác hoạt động niên độ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát niên độ 2019-2020 như sau :

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)**

#### **1. Hoạt động của BKS**

- Kể từ khi ra đời ( từ 01/07/2018 đến 30/06/2019) BKS đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

- BKS đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp khác của công ty.

- Kiểm tra giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết DHECD thường niên 2018-2019 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty (BTGD).

- Kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết trong các cuộc họp của HĐQT.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính niên độ 2018-2019 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi những kiến nghị đề ra qua kiểm toán độc lập đưa ra.

- Trong niên độ 2018-2019, Ban kiểm soát họp 5 lần

- Lần 1: Kiểm điểm công tác kiểm soát niên độ 2017-2018 và kế hoạch hoạt động niên độ 2018-2019

- Lần 2 : Đánh giá công tác quý I niên vụ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động quý II niên độ 2018-2019

- Lần 3 : Đánh giá công tác quý II niên vụ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động quý III niên độ 2018-2019

- Lần 4 : Đánh giá công tác quý III niên vụ 2018-2019 và kế hoạch hoạt động quý IV niên độ 2018-2019

- Lần 5: Đánh giá công tác quý IV niên vụ 2018-2019, thẩm định báo cáo tài chính niên độ 2018-2019, thông qua báo cáo kiểm soát Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2018-2019

- Ban kiểm soát chưa phát hiện hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

### **1. Thủ lao BKS**

-Trong quá trình hoạt động BKS được chi trả thủ lao theo đúng quy định và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2018-2019.

+Thưởng BKS hưởng lương chuyển trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng

+Cũy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6 /tháng/người

+Mức tiền lương tối thiểu công ty áp dụng là 1.530.000 đồng

## **II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGB**

### **1. Kết quả giám sát hoạt động HĐQT**

- Trong niên độ 2018-2019 HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác quản lý và điều hành công ty.

- HĐQT của công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đột xuất khi cần thiết để triển khai thống nhất định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- BKS đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với hầu các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- HĐQT đã ban hành nghị quyết, và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

## 2. Kết quả giám sát công tác điều hành của HĐQT và bộ phận quản lý công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ HĐQT nhận thấy Ban Tổng giám đốc

và các bộ phận quản lý công ty đã tuân thủ đúng theo qui định, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đề ra, trong quá trình điều hành và chỉ đạo hoạt động SXKD của công ty. HĐQT không phát hiện có dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty, công như không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào có liên quan đến các thành viên của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty.

- Kết quả đạt được trong NDTC 2018-2019 như sau:

### 2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ NDTC 2018 - 2019

| TT | Chỉ tiêu                          | ĐVT  | KH 2018-2019 | Thực hiện 2018-2019 | Tỷ lệ % hoàn thành KH |
|----|-----------------------------------|------|--------------|---------------------|-----------------------|
| 1  | Sản lượng sản phẩm điện           | Tấn  | 180.000      | 199.086             | 102,7                 |
|    | + Mìn áp                          |      | 180.000      | 196.044             | 103,3                 |
|    | + Mìn giồng                       |      | 20.000       | 3.042               | 15,2                  |
| 2  | Sản lượng đường                   | Tấn  | 17.392       | 18.945              | 108,9                 |
| 3  | Sản lượng xuất xi nhốp khô        | Tấn  | 6.290        | 8.979               | 142,7                 |
| 4  | Sản lượng phân bón cơ             | Tấn  | 4.000        | 1.260               | 31                    |
| 5  | Tổng doanh thu                    | Tr.đ | 263.964      | 162.188             | 60,97                 |
| 6  | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | tr.đ | 4.600        | -28.686             |                       |
| 7  | Tổng lợi nhuận sau thuế           | Tr.đ | 3.600        | -28.786             |                       |

Kết quả doanh thu thực hiện giảm 39% so với kế hoạch; Lợi nhuận thực hiện không đạt, nguyên nhân : Do thị trường đường không thuận, giá cả giảm mạnh, lượng đường tồn kho cao.

## 2.2 Về công tác đầu tư, XD/CB, Sửa chữa bảo dưỡng

- Trong năm độ 2018-2019 công ty đã đầu tư mua một số máy móc thiết bị và xây dựng vốn tổng số tiền đầu tư : 4.785.865.576 đồng (Đến tỷ bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng) cụ thể :

| STT | Ngày tháng | Tên tài sản                              | BVT | Số lượng | Thành tiền ( đồng)   |
|-----|------------|--|-----|----------|----------------------|
|     | <b>I</b>   | <b>Máy móc thiết bị</b>                  |     |          |                      |
| 1   | 26.07.2018 | Mua máy in phun SOP 680                  | bộ  | 1        | 88.508.080           |
| 2   | 31.12.2018 | Mua một bộ thiết bị quét nhiệt cấp 1     | Bộ  | 1        | 1.155.817.204        |
| 3   | 27.01.2019 | Lắp mới và bảo trì cho động cơ máy ép    | cái | 03       | 1.102.215.080        |
| 4   | 27.01.2019 | CP lắp đặt hệ thống dây đường thành phẩm |     |          | 923.843.680          |
| 5   | 31.01.2019 | Mua một máy bơm ly tâm                   | cái | 01       | 340.365.952          |
|     | <b>II</b>  | <b>Xây dựng cơ bản</b>                   |     |          |                      |
| 1   |            | Kho thành phẩm đường số 1                |     |          | 1.182.215.810        |
|     |            | <b>Tổng cộng</b>                         |     |          | <b>4.785.865.576</b> |

Các hạng mục đầu tư đều được phê duyệt, thẩm định, thực hiện đúng quy trình và đã đưa vào sử dụng.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất đường. Ban TGD và các bộ phận quản lý đã tích cực đến để giám sát, cơ bản đạt yêu cầu tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế của khác phục, còn có những sự cố xảy ra trong quá trình sản xuất và chất lượng đường chưa đảm bảo theo yêu cầu ( Đường lùn với thành )

## 2.3 Về công tác nguyên liệu

Thực hiện vụ 2018-2019 so với vụ 2017-2018 về diện tích mía tăng 16,2% năng suất tăng 1,5 %, nhưng chất lượng mía lại giảm (2017-2018 CCS BQ : 10; 2018-2019 CCS BQ : 10,55)phụ hồi sự trong năm đạt : 99,73%

Công tác dẫn chất vận chuyển chủa theo yêu cầu kế hoạch mía về nhà máy vẫn còn nhiều mía cũ ảnh hưởng đến công tác chế biến.

Mô hình của loại bộ 80 tấn/ha không có tiến triển

Về nguyên liệu của công ty còn tồn tại nên việc quản lý khá phức tạp, việc đưa giống mới có năng suất chất lượng vào thay thế còn nhiều hạn chế, vấn đề đưa cơ khí hóa, đưa khoa học kỹ thuật áp dụng trong trồng mía cực kỳ khó khăn.

## 2.4 Công tác sản xuất chế biến, tiêu thụ đường

- Công tác sản xuất chế biến chưa hiệu quả so với kế hoạch như hiệu suất thu hồi giảm, tổng sản phẩm tăng. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chưa ổn định trong sản xuất đường do công nghệ sản xuất đường vẫn phức tạp hơn.

- Sản lượng đường nhập kho tăng so với kế hoạch do sản lượng tiêu tăng.

- Về tiêu hao nhiên liệu, hóa chất lượng tiêu hao giảm hơn so với định mức.

- Việc tiêu thụ đường gặp rất nhiều khó khăn, giá bán đường giảm mạnh, sản lượng đường tồn kho cao nên ảnh hưởng lớn tình hình tài chính của Công ty.

## 2.5 Công tác nhân sự

- Thực hiện các chính sách lao động theo đúng luật định. Công tác định biên tuyển dụng kịp thời, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động. Tuy nhiên ở một số vị trí nhân lực chất lượng cao vẫn bị thiếu.

## 2.6 Công tác khác

Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự được thực hiện tốt, công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên, Công tác bảo vệ xã lý môi trường thu được các thái trong năm vừa qua đạt yêu cầu.

# III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 1. Thẩm định báo cáo tài chính NDTC 2018-2019

- Báo cáo tài chính đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của công ty. Công ty đã chấp hành đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

- BKS thẩm định và thống nhất với các nội dung của báo cáo tài chính niên độ 2018-2019 đã được công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam kiểm toán.

## 2. Tình hình tài chính của công ty NDTC 2018-2019:

| TÀI SẢN |                                     | Tại ngày<br>30/06/2019 | Tại ngày<br>30/06/2018 | So sánh<br>% |
|---------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|--------------|
| A-      | TÀI SẢN NGÂN HÀNG                   | 108.711.136.379        | 79.040.817.701         | 130,8        |
| B.      | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 1.111.594.959          | 617.916.681            |              |
| M       | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | -                      | -                      |              |
| BN      | Các khoản phải thu                  | 18.768.571.141         | 19.478.344.219         |              |
| DN      | Hàng tồn kho                        | 96.648.961.879         | 54.178.784.611         |              |
| DP      | Tài sản ngắn hạn khác               |                        | 16.942.287             |              |

|                            |                                     |                        |                        |       |
|----------------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|-------|
| B.                         | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ BỀN/TỰ DẠ<br>HẠN | 31.496.661.688         | 39.714.905.343         | 98,7  |
| I.                         | Các khoản phải thu dài hạn          |                        | -                      |       |
| II.                        | Tài sản vô định                     | 63.169.322.333         | 73.693.727.878         |       |
| III.                       | Bền động sản dài hạn                |                        |                        |       |
| IV.                        | Tài sản dài hạn chờ xử lý           | 3.096.172.003          | 3.737.337.996          |       |
| V.                         | Tài sản dài hạn khác                | 36.437.165.372         | 3.641.947.159          |       |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>   |                                     | <b>196.217.797.789</b> | <b>164.987.531.664</b> |       |
| A.                         | NỢ PHẢI TRẢ                         | 136.871.709.383        | 31.897.326.644         | 165,1 |
| 1.                         | Vay và nợ ngắn hạn                  | 112.341.298.183        | 79.165.939.664         |       |
| II.                        | Nợ dài hạn                          | 2.531.393.699          | 2.371.311.660          |       |
| B.                         | NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU                | 54.035.058.376         | 62.919.399.620         | 65,3  |
| 1.                         | Vốn chủ sở hữu                      | 54.035.058.376         | 62.919.399.620         |       |
| II.                        | Nguồn tích lũy và quỹ khác          | 15.000.000             | 75.000.000             |       |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |                                     | <b>196.217.797.789</b> | <b>164.987.531.664</b> |       |

Một số chỉ tiêu phân tích tình hình tài chính kinh tế chính của công ty

| Chỉ tiêu   | Tại ngày<br>30/06/2019 | Tại ngày<br>30/07/2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>1-Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b> |                        |                        |
| <b>1.1 Cơ cấu tài sản</b>                          |                        |                        |
| - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản                  | 57,2%                  | 43,6%                  |
| - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản                   | 42,8%                  | 56,4%                  |
| <b>1.2 Cơ cấu nguồn vốn</b>                        |                        |                        |
| - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn                     | 71,2%                  | 49,7%                  |
| - Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn                       | 28,9%                  | 50,3%                  |
| <b>2- Khả năng thanh toán</b>                      |                        |                        |
| - Khả năng thanh toán hiện hành (TSS/HSTH)         | 1,81                   | 0,94                   |
| - Khả năng thanh toán tổng quát (TTS/NPT)          | 1,78                   | 1,87                   |
| <b>3. Tỷ suất sinh lời</b>                         |                        |                        |
| - Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần                    | + 1,77%                | + 13,47%               |

Với các chỉ số ở trên ta thấy tình hình tài chính của công ty là cực kỳ khó khăn SOKO đang lỗ.

- Khả năng thanh toán các khoản nợ chậm, giảm độ tự chủ về tài chính.

- Báo cáo tài chính năm thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu tài chính trọng điểm trong đó : trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho 14.657.933.192 đồng.

#### **IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, HĐQT VÀ CỔ ĐÔNG**

Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty được duy trì dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều hành.

Các thành viên BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. Để từ đó BKS nắm bắt được các thông tin, tình hình hoạt động của công ty cũng như tuân thủ tham gia cùng HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông: BKS cũng trao đổi thông tin và tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông. Trong năm độ 2018-2019 BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, cá nhân về quyền và lợi ích của họ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT**

##### **1. Đối với vùng nguyên liệu**

Quy hoạch vùng nguyên liệu trọng điểm, có chính sách đầu tư phù hợp, chú trọng cơ giới hóa và trồng đúng quy trình kỹ thuật, thâm canh các giống lúa mới, cải tăng năng suất chất lượng lúa, tăng thu nhập cho các hộ trồng lúa.

##### **2. Đối với dây chuyền sản xuất**

- Đối với công tác sản chữa bảo dưỡng thiết bị ngoài vụ ép cần đảm bảo kịp tiến độ. Cung ứng vật tư thiết bị kịp thời, đạt yêu cầu, việc nghiệm thu chấp thu thiết bị phải chặt chẽ hơn.

- Đối với dây chuyền sản xuất sữa sản đầu tư một số thiết bị máy móc đảm bảo yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả thu hồi đường, giảm thời gian về tự có thiết bị và ổn định công suất chế biến từ 1.450-1.800T/N

- Tổ chức thực hiện tốt công tác cung ứng các loại vật tư, hóa chất phục vụ cho vụ ép 2019-2020

##### **3. Đối với HĐQT, Ban TGD**

- Nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Cần đổi mới tiền, quản lý và cơ cấu vốn có hiệu quả;

- Tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm;

- Chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý tài chính.
- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, bổ trí đáng người đứng việc để tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

## **VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỤ 2019-2020**

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Điều lệ công ty, BKS công ty CP mía đường Cao Bằng dự kiến kế hoạch hoạt động trong vụ 2019-2020 như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ 2019-2020.
- Kiểm tra giám sát các khoản định mức tiêu hao và các chi phí sản xuất để SXKD đạt hiệu quả.
- Kiểm tra tình tuân thủ và tình hình quản lý tài chính của công ty.
- Thẩm định BCTC năm của công ty.
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty CP mía đường Cao Bằng. Kính trình BHKD xem xét và thông qua.

Nơi nhận

- HĐQT;
- Chủ tịch;
- Lưu VT.

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**Hương Thị Quyết**

Số: 922/BC - MB

Phục Hòa, ngày 21 tháng 10 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN VỤ 2018 - 2019**  
**KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2019 - 2020**

**Phần I**  
**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Tình hình sản xuất mía đường thế giới.**

- Năm vụ 2018-2019 sản lượng đường thế giới sản xuất đạt 185,2 triệu tấn, đường tiêu thụ đạt 177,5 triệu tấn, dư thừa khoảng 7,7 triệu tấn.
- Giá đường thế giới giảm mạnh do nguồn cung toàn cầu dư thừa. Giá bán giảm mạnh, duy trì ở mức dao động từ 220/50 tấn đến 230/50 tấn.

**2. Tình hình sản xuất mía đường trong nước.**

- Thị trường đường trong nước giảm mạnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh giảm sút, đường tồn kho cao, nhiều nhà máy đường thua lỗ.
- Diện tích mía đạt 238.867 ha, giảm 3.340 ha so với vụ trước( vụ 2017-2018: 240.407 ha).
- Sản lượng rơm ép củ nước 12 triệu tấn, đạt 77,7% so với vụ 2017-2018, sản lượng đường sản xuất 1,2 triệu tấn, đạt 81,63% so với vụ 2017-2018 . Tỷ lệ mía/đường bình quân củ nước là 10 tấn/đường.
- Năng suất mía bình quân củ nước 60,41tấn/ha, giảm 3,49 tấn/ha so với vụ 2017-2018 (vụ 2013-2018 là 63,9 tấn/ha).
- Giá bán đường hiện đang giảm, đầu vụ giá bán đường tăng dao động từ 10.500 - 11.800 đồng/kg, đến thời điểm chính vụ giá bán giảm xuống 10.000/kg thấp hơn giá thành (thấp nhất 3 năm trở lại đây). Dẫn này giá bán được cải thiện nhưng không đáng kể.

**3. Tình hình sản xuất Công ty CP mía đường Cao Bằng.**

**3.1. Vùng nguyên liệu mía**

- Được UBND tỉnh phê duyệt để thu hút các đầu tư sản xuất và xuất khẩu mía nguyên liệu sang Trung Quốc vụ 2018-2019 là 20.000 tấn. Nhưng kết quả đạt được 2.021,91 tấn do quá trình thống quan báo Trung Quốc gặp khó khăn.
- Do thời tiết mưa nhiều, mía trẻ có sâu từ đầu vụ.
- Công tác thu mua đến chất lượng chuyển cần nhiều bất cập, mía về nhà máy bị đầu đê đầu đen nhiều.
- Vụ sản xuất vào vụ muộn, xuất khẩu đạt thấp, vụ ép kéo dài sang tháng 5/2019, diện tích trồng mới đạt thấp.
- Thời nghiệm giống rơm KK3 trong vùng nguyên liệu kết quả cho thấy mía sinh trưởng phát triển bình thường, thân to, thích nghi tốt, ít sâu bệnh mía có tiềm năng chịu thâm canh, cho năng suất cao.

**3.2. Dự trù sản xuất chế biến đường.**



|    |                                   |       |             |             |             |       |       |
|----|-----------------------------------|-------|-------------|-------------|-------------|-------|-------|
| 14 | Giá bán bình quân                 |       |             |             |             |       |       |
|    | - Sản phẩm Đường                  | đ/kg  | 11.393      | 11.415      | 9.958,34    | 81,8  | 86,7  |
|    | - Mỳ mì                           | đ/kg  | 1.891       | 1.891,0     | 1.772,31    | 93,4  | 99,4  |
|    | - Phấn Vôi sinh                   | đ/kg  | 2.928       | 0           | 1.378       | 47,1  |       |
|    | - Bã Sắn + trấu                   | đ/kg  | 250         | 250         | 217         | 86,8  | 86,8  |
| 15 | DT bán hàng và cung cấp D.Vg      | 1000đ | 216.761.028 | 265.964.464 | 161.180.715 | 73,9  | 69,9  |
|    | Các khoản giảm trừ DT             | 1000đ | 1.09.099    | 0           | 34.910      |       |       |
| 16 | Doanh thu thuần                   | 1000đ | 215.181.968 | 265.964.464 | 161.145.805 | 73,9  | 69,9  |
| 17 | Giá vốn hàng bán                  | 1000đ | 197.668.098 | 250.246.319 | 181.883.876 |       |       |
| 18 | Lợi nhuận gộp                     | 1000đ | -26.948.128 | 15.717.845  | -20.737.965 |       |       |
| 19 | Doanh thu hoạt động tài chính     | 1000đ | -62.097     | 0           | 18.590      |       |       |
| 20 | Chi phí tài chính                 | 1000đ | 3.188.336   | 3.800.800   | 3.341.342   | 106,4 | 109,8 |
|    | Trong đó: chi phí lãi vay         | 1000đ | 3.097.380   |             | 3.607.892   |       |       |
| 21 | Chi phí bán hàng                  | 1000đ | 1.177.079   | 1.814.336   | 1.132.919   | 83,2  | 79,8  |
| 22 | Chi phí quản lý doanh nghiệp      | 1000đ | 3.468.438   | 6.607.399   | 3.162.840   | 76,1  | 79,8  |
| 23 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD | 1000đ | -32.713.678 | 4.689.800   | -25.897.716 | 88,3  | 40,8  |
| 24 | Thu nhập khác                     | 1000đ | 3.754.638   | 0           | 4.336.801   |       |       |
| 25 | Chi phí khác                      | 1000đ | 8.728.414   | 0           | 4.121.688   |       |       |
| 26 | Lợi nhuận khác                    | 1000đ | -474.889    | 0           | 211.113     |       |       |
| 27 | Tổng lợi nhuận trước thuế         | 1000đ | -39.287.880 | 4.689.800   | -25.686.603 | 88,3  | 43,4  |
| 28 | Chi phí thuế TNDN hiện hành       | 1000đ | 0           | 0           | 69.536      |       |       |
| 29 | Lợi nhuận sau thuế TNDN           | 1000đ | -39.287.880 | 4.689.800   | -25.756.141 | 88,3  | 78,1  |
| 30 | Vốn MVM                           | 1000đ | 11.464.188  | 8.800.800   | 6.427.170   | 33    | 89,3  |
| 31 | Tổng số LĐ và mặt (Đ) năm         | người | 218         | 367         | 266         |       |       |
| 32 | Thu nhập (Đ)                      | 1000đ | 5.638       | 3.300       | 3.397       | 58    | 98    |

## II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Công tác vùng nguyên liệu mỳ

#### 1.1. Phạm vi địa bàn trồng mỳ.

Vùng nguyên liệu gồm: 04 huyện, 36 xã (thị trấn) và 5.648 hộ trồng mỳ, gồm 32 hộ no với vụ trước. Tổng diện tích mỳ toàn vùng là 2.718,17 ha. Cụ thể như sau:

- Huyện Phục Hòa: 1.646,34ha.
- Huyện Quảng Uyên: 982,23ha.
- Huyện Thạch An: 36,71ha.
- Huyện Trùng Khánh: 25 ha.

#### 1.2. Về diện tích, năng suất, chất lượng mỳ, sản lượng mỳ.

##### 1.2.1. Về diện tích mỳ.

Bảng 82

| Vùng nguyên liệu mỳ | Vụ vụ 2017 - 2018 |                   |           | Vụ vụ 2018 - 2019 |                   |           | Vụ vụ 2019 - 2020 |                   |               |
|---------------------|-------------------|-------------------|-----------|-------------------|-------------------|-----------|-------------------|-------------------|---------------|
|                     | Tổng DT (ha)      | DT trồng mới (ha) | NS tấn/ha | Tổng DT (ha)      | DT trồng mới (ha) | NS tấn/ha | Tổng DT (ha)      | DT trồng mới (ha) | Ước NS tấn/ha |

|                       |                 |                 |           |                 |            |           |              |              |          |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|-----------------|------------|-----------|--------------|--------------|----------|
| 1. H. Phúc Hòa        | 1.653,98        | 782,68          | 64        | 1.836,34        | 421,89     | 63        | 1.647        | 698          | 6        |
| 2. H. Quảng Uyên      | 876,77          | 400,49          | 63        | 1.088,28        | 188,86     | 62        | 982          | 363          | 6        |
| 3. H. Thạch An        | 66,22           | 23,53           | 34        | 73,4            | 3,24       | 67        | 33           | 31           | 3        |
| 4. Trùng Khánh        | 3,15            | 3,83            | 33        | 37              | 8          | 73        | 24           | 11           | 6        |
| 5. Trùng Bình         |                 |                 |           |                 | 3          |           | 24           | 7            | 6        |
| <b>Cộng toàn vùng</b> | <b>2.593,72</b> | <b>1.203,53</b> | <b>63</b> | <b>3.008,32</b> | <b>625</b> | <b>64</b> | <b>2.708</b> | <b>1.180</b> | <b>6</b> |

- Diện tích mùa cho vụ áp 2018- 2019 tăng 8% so với kế hoạch (828.2800 ha), tăng 16,2% so với vụ 2017-2018.

- Diện tích mùa cho vụ áp 2019 - 2020 là 2.710 ha, giảm 18,2% so với mùa vụ trước.

#### 1.2.2. Năng suất mùa

- Năng suất mùa vụ 2018-2019 đạt 64 tấn/ha, tăng 1,2% so với vụ 2017-2018.

#### 1.2.3. Chất lượng mùa

- Chất lượng, bình quân vụ 2018-2019: 18,53CCS, giảm 4,1% so với KH (20H 180CS), giảm 1,68% so với vụ 2017-2018.

#### 1.2.4. Về sản lượng mùa

**Bảng 83**

| Vùng nguyên liệu mùa  | SL mùa vụ 2017 - 2018 (tấn) | SL mùa vụ 2018- 2019 |                         | Ước SL mùa vụ 2019 - 2020 |                         |
|-----------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|
|                       |                             | Sản lượng (tấn)      | Tỉ lệ % so với vụ 17/18 | Sản lượng (tấn)           | Tỉ lệ % so với vụ 18/19 |
| 1                     | 2                           | 3                    | 4                       | 5                         | 6                       |
| H. Phúc Hòa           | 105.128,97                  | 119.034              | 114,08                  | 100.467                   | 83,78                   |
| H. Quảng Uyên         | 34.534,35                   | 67.842               | 123                     | 59.802                    | 89,15                   |
| H. Thạch An           | 3.773                       | 4.909                | 130                     | 1.947                     | 39,66                   |
| H. Trùng Khánh        | 283,65                      | 1.201                | 423,4                   | 1.312                     | 128                     |
| H. Hà Lang            |                             |                      |                         | 1.418                     |                         |
| <b>Cộng toàn vùng</b> | <b>163.712</b>              | <b>193.096</b>       | <b>118</b>              | <b>169.316</b>            | <b>88,62</b>            |

- Tổng Sản lượng mùa vụ 2018-2019 là: 193.096 tấn (đủ trả nợ lãi), đạt 118,33% so với vụ trước vụ trước 163.712 tấn.

Trong đó:

- Sản lượng mùa cho sản xuất chế biến đường: 180.094 tấn.
- Sản lượng mùa xuất khẩu: 2.022 tấn
- Sản lượng mùa giống là: 370 tấn.

#### 1.3. Công tác thu mua mùa

- Giá thu mua: Mùa vụ giá thu mua tại ruộng 870đ/kg, tại tại nhà máy 900đ/kg do giá thị trường đường giảm mạnh, giá bán thấp dẫn giữa vụ mùa chính giá thu mua mùa còn 800đ/kg tại ruộng, tại nhà máy 850đ/kg.

- Công tác dẫn dắt vận chuyển: Đáp ứng đủ cho công suất nhà máy, nhưng mùa dẫn dắt về đến nhà máy bị dẫn dắt đến đơn còn thừa.

- Công tác thanh toán tiền mùa: Việc Thanh toán tiền mùa cho các nông hộ chưa được kịp thời do đường tiêu thụ chậm, tài chính khó khăn nên không đủ nguồn tiền để thanh toán. Đến ngày 28 tháng 07 năm 2019 đã thanh toán hết tiền mùa cho dân.

#### 1.4. Cơ cấu giống mùa

-Hiện nay giống mùa ROC 22 đang chiếm ưu thế về diện tích toàn vùng: Diện tích mùa ROC 22 là 2.494.732.710,17 ha chiếm 92,85%, các giống mùa QĐ 94-119, Tân Đa 25, Viên làm 6... là 215.442.710,17 ha chiếm 7,85%. Giống mùa ROC22 mặt

đi có chiến lược chiến lược đã đưa vào danh sách năm năm đến nay có triển vọng thời gian và chất lượng của giảm.

## 1. Công tác sản xuất chế biến đường

### 1.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu

| TT | Chỉ tiêu                          | ĐVT   | Thực hiện  |  | Vp 2018 - 2019 |            | Tỷ lệ % |        |
|----|-----------------------------------|-------|------------|--|----------------|------------|---------|--------|
|    |                                   |       | vụ 17/18   |  | KH             | TH         | KH      | TH     |
|    |                                   |       |            |  |                |            |         |        |
| 1  | Trọng lượng sản xuất sản          | tấn   | 192.794,08 |  |                | 192.688,3  | 171,74  |        |
| 1  | Tỷ lệ tạp chất                    | %     | 1,82       |  |                | 1,82       | 129,41  |        |
|    | Trọng lượng sản xuất              | tấn   | 1.827      |  |                | 2.344      | 192,45  |        |
| 2  | Trọng lượng sản xuất              | tấn   | 162.172,29 |  | 188.000        | 199.264,61 | 118,33  | 182,3  |
|    | Tỷ suất sản xuất đường            | tấn   | 157,77     |  | 168.000        | 199.264,61 | 121,18  | 119,2  |
| 4  | Chiết xuất (ĐQ) (CCS)             | %     | 18,73      |  | 11,3           | 18,33      | 98,11   | 97,74  |
| 5  | Công suất dự kiến (ĐQ)            | vụ/vụ | 1.520      |  | 1.549          | 1.546      | 101,43  | 99,74  |
| 6  | Công suất dự kiến theo tỷ lệ (ĐQ) | vụ/vụ | 1.486,26   |  | 1.489          | 1.786,39   | 184,39  | 183,4  |
| 7  | Tổng lượng đường nhập kho         | tấn   | 84.294,08  |  | 17.392         | 18.945,83  | 112,36  | 188,9  |
| -  | Đường trắng                       | tấn   | 11.140,48  |  | 8.400          | 8.403,33   | 83,46   | 188,84 |
| -  | Đường vàng                        | tấn   | 1.154,28   |  | 8.792          | 10.542,50  | 218,11  | 117,43 |
| 8  | Hệ số                             | tấn   |            |  |                |            |         |        |
| -  | Trọng lượng sản phẩm              | tấn   | 4.188,86   |  | 6.385          | 8.773      | 133,2   | 138,41 |
| -  | AP mặt ri                         | %     | 11,78      |  | 30             | 32,93      | 84      | 189,83 |
| 9  | Hệ số sản phẩm                    |       |            |  |                |            |         |        |
| -  | Hệ số sản phẩm                    | %     | 95,7       |  | 94,0           | 95,3       | 108     | 99,72  |
| -  | Hệ số sản phẩm CL                 | %     | 88,22      |  | 88,11          | 84,38      | 95,43   | 95,72  |
| -  | Hệ số sản phẩm chất béo           | %     | 84,45      |  | 84,48          | 88,77      | 95,44   | 95,47  |
| -  | Hệ số sản phẩm chất béo           | %     | 88         |  |                | 87         | 100,85  |        |
| -  | Tỷ lệ sản phẩm / đường            | m3    | 6,54       |  | 9,3            | 18,73      | 186,2   | 118,1  |
| 10 | Giá trị sản phẩm                  |       |            |  |                |            |         |        |
| -  | Giá trị sản phẩm                  | %     | 4,27       |  | 4,61           | 4,27       | 188,88  | 188    |
| -  | Giá trị sản phẩm                  | %     | 1,78       |  | 1,48           | 2,43       | 186,82  | 182    |
| -  | Giá trị sản phẩm                  | %     | 8,89       |  | 8,36           | 9,84       | 184,83  | 186,3  |
| -  | Giá trị sản phẩm                  | %     | 6,81       |  | 1,27           | 5,47       | 428,4   | 279,2  |
|    | Tổng sản phẩm                     | %     | 18,89      |  | 20,48          | 19,03      | 170,24  | 170,74 |
|    | Tổng lượng đường sản phẩm         | tấn   | 3.811,41   |  | 3.661          | 4.142,78   | 147,4   | 148,4  |

- Sản lượng đường nhập kho 18.945,83 tấn, đạt 188,99% so với kế hoạch (KH) 17.392 tấn, đạt 115,84% so với vụ 2017-2018 (vụ 2017-2018: 16.394,8 tấn)

- Hệ số sản phẩm chất béo 80,77%, đạt 95,47% so với kế hoạch (KH) 84,49%, đạt 85,44% so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 84,42%).

- Tỷ lệ sản phẩm là 18,13 chưa đạt so với kế hoạch, tăng 18,17%

- Tổng sản phẩm 19,27%, vượt 3,8% so với kế hoạch (KH) 15,49%

- Sản lượng mặt ri sản phẩm 8.773 tấn, đạt 119% kế hoạch (KH 6.290 tấn), đạt 115,2% so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 6.188,86 tấn).

- AP mặt ri bình quân là 32,93 vượt 8,8% so với kế hoạch (KH) = 30), vượt 3,79% so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 31,76).

### 1.2. Thời gian sản xuất chế biến đường

- Vụ sản xuất: 2018 - 2019: Bắt đầu từ ngày 17/12/2018, kết thúc ngày 5/5/2019.
- Số ngày sản xuất: 148 ngày, tổng 32,03 ngày so với kế hoạch (KH 187,97 ngày).

- Số ngày dự mùa: 125 ngày, tổng 23,83 ngày so với kế hoạch (KH 181,97 ngày) tổng 20,64 ngày so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 104,36 ngày).

- Số giờ ngừng dự là: 353 giờ 81 phút tương đương 14,74 ngày. Trong đó: thời gian ngừng do thiếu bị là 59,83 giờ; thời gian ngừng nghỉ định kỳ, vụ mùa, SCBD là 224,78 giờ; thời gian nghỉ chờ mưa là 38,78 giờ và ngừng do nguyên nhân khác là 5,35 giờ; thời gian nghỉ tết là 284 giờ.

### 3. Giá thành sản xuất sản phẩm đường trắng: niên vụ 2018 - 2019

Table 05

| TT | KHOẢN MỤC CHI PHÍ                          | ĐVT  | TH VỤ<br>17-18     | KH VỤ<br>18-19     | TH VỤ<br>18- 19    | Tỷ lệ %       |
|----|--|------|--------------------|--------------------|--------------------|---------------|
|    |  | 1    | 2                  | 3                  | 4                  | 5             |
| 1  | Chi phí nguyên nhiên vật liệu              | 000đ | 154.903.918        | 154.342.949        | 156.308.318        | 100,00        |
| 2  | Chi phí nhân công trực tiếp                | 000đ | 12.382.175         | 18.948.288         | 13.348.035         | 86,67         |
| 3  | Chi phí sản xuất chung                     | 000đ | 25.768.140         | 20.314.513         | 26.813.368         | 108,85        |
|    | <b>Tổng chi phí tính giá thành SX</b>      | 000đ | <b>193.054.233</b> | <b>193.605.750</b> | <b>196.469.721</b> | <b>101,46</b> |
| 4  | Chi phí hoạt động tài chính                | 000đ | 3.109.137          | 3.688.088          | 3.767.875          | 102,34        |
| 5  | Chi phí bán hàng                           | 000đ | 1.173.075          | 1.314.336          | 1.127.664          | 83,49         |
| 6  | Chi phí quản lý doanh nghiệp               | 000đ | 3.348.418          | 6.796.313          | 5.215.437          | 76,73         |
|    | <b>Tổng chi phí tính giá thành toàn bộ</b> | 000đ | <b>199.584.863</b> | <b>209.112.388</b> | <b>206.388.811</b> | <b>103,61</b> |
| 7  | Tổng sản phẩm đường trắng sản              | tấn  | 18.184,88          | 17.782             | 18.985,65          | 115,24        |
| 8  | <b>Giá thành SX đ/kg đường</b>             | đồng | <b>12.902</b>      | <b>11.806</b>      | <b>11.448</b>      | <b>89,38</b>  |
| 9  | <b>Giá thành toàn bộ đ/kg đường</b>        | đồng | <b>13.714</b>      | <b>11.758</b>      | <b>11.903</b>      | <b>87,39</b>  |

- Giá thành sản xuất: Giá thành sản xuất Công đường là 11.806 đ/kg tổng so với kế hoạch là 582 đ/kg, giảm so với vụ trước 1.344 đ/kg.

- Giá thành toàn bộ: 12.189 đ/kg tổng so với kế hoạch 444 đ/kg, giảm so với năm trước 1.514 đ/kg.

- Nguyên nhân tăng so với kế hoạch là do chất lượng mía (cay) không đạt theo kế hoạch đề ra (18,53/1) và hiệu suất tổng thu hồi không đạt theo kế hoạch (88,77/84,8).

Nguyên nhân giảm so với năm trước là do giảm giá mua từ 1000 đ/kg năm trước xuống 808 đ/kg năm nay

### 4. Công tác tiêu thụ sản phẩm

#### 4.1. Công tác tiêu thụ đường

- Sản lượng đường tiêu thụ là 14.531,95 tấn đạt 78,08% so với kế hoạch (KH 18.180 tấn), đạt 86,34% so với vụ trước (vụ 2017-2018 là 16.838)

Chỉ tiêu theo hình thức bán như sau:

- Sản lượng đường bán qua CHTP: 578,86 tấn, tăng 23,16% so với vụ trước (vụ 2017-2018: 470 tấn)

- SL đường bán qua các nhà phân phối (nội tỉnh, ngoại tỉnh) là 434,77 tấn, giảm 43,98% so với vụ trước (2017-2018: 778 tấn)

- Sản lượng đường bán lẻ: 778,33 tấn, giảm 45,57% so với vụ trước (vụ 2017-2018: 1.430 tấn).

- Sản lượng đường bán buôn: 12.740 tấn, giảm 9,89% so với vụ trước ( vụ 2017-2018: 14.154 tấn)

#### 4.2. Công tác sửa chữa hồ bơi – (tr. 4)

- Sửa chữa hồ bơi, bao gồm sửa chữa 1.263,44 m², đạt 31,35% so với kế hoạch (KH 4.090 m²). Thực hiện tổng mức chi thấp nhất đảm bảo hồ bơi sử dụng.

#### 4.3. Công tác nhập xuất đường và đóng đường tải

- Công tác bốc xếp đường tại kho thành phẩm và vận chuyển kho được thực hiện theo đúng quy định.

- Công tác nhập xuất, giao nhận hàng hoá kịp thời, chính xác, đúng theo quy định, theo yêu cầu của khách hàng (gửi chức bốc hàng ngoài giờ và ngày chủ nhật)

- Công tác đóng đường tải đúng đi số lượng, yêu cầu kỹ thuật được đảm bảo, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

### 5. Công tác Tài chính

#### 5.1. Công tác hạch toán vốn, sử dụng vốn cho hoạt động SXKD

##### 5.1.1. Hạch toán vốn lưu động : 203.339 tỷ đồng

- Vay ngân hàng Phúc Hoà : 66,00 tỷ đồng.
- Vay từ cá nhân : 11,00 tỷ đồng.
- Vốn Từ doanh thu bán hàng : 123,339 tỷ đồng

##### 5.1.2. Sử dụng vốn lưu động : 182.339 tỷ đồng

- Trả tiền mua sửa chữa + sửa chữa : 138,343 tỷ đồng
- Thanh toán thuế VAT ME + VAT : 5,896 tỷ

đồng

- Mua vật tư, TB, nguyên vật liệu SX : 20,713 tỷ đồng
- Mua phân bón thuốc trừ cỏ đầu tư VSUM : 0,287 tỷ đồng
- Trả tiền lương, phụ cấp lương cho người lao động : 15,017 tỷ đồng
- Hấp thu BHXH, BHYT, KPCĐ cho người lao động : 3,819 tỷ đồng
- Hấp ngân sách Nhà nước : 6,502 tỷ đồng
- Trả lãi tiền vay ngân hàng : 3,464 tỷ đồng
- Các khoản chi phí thường xuyên : 6,562 tỷ đồng

#### 5.2. Công tác đầu tư XDCH, mua sắm thiết bị

- Xây dựng Kho thành phẩm đường số 3 : 1,182 tỷ đồng
- Máy móc, thiết bị mua mới
- + Mua máy in phun SGP 690 : 0,083 tỷ đồng
- + Tủ lạnh âm cho đông, cơ máy cấp 3 tấn : 1,002 tỷ đồng
- + Hệ thống thiết bị máy sấy đường thành phẩm : 8,823 tỷ đồng
- + Bộ quạt nhiệt cấp 1 lò hơi : 1,158 tỷ đồng
- + Máy ly tâm 1 cái : 0,348 tỷ đồng

Tổng vốn đầu tư XDCH và mua sắm thiết bị là: 4,793 tỷ đồng

#### 5.3. Thanh toán tiền mua, thu hồi nợ vốn đầu tư đóng trước.

##### 5.3.1. Thanh toán tiền mua: bao gồm cả sửa chữa và sửa chữa đến ngày 30/6/2019

| Loại mua        | Số tiền mua mua phải thanh toán (tỷ đồng) | Số tiền mua mua đã được thanh toán (tỷ đồng) |                          |                          |                              | Số tiền mua chưa thanh toán tại ngày 30/6/2019 |
|-----------------|---|--|--------------------------|--------------------------|------------------------------|--|
|                 |   | Tổng số                                      | Trong đó                 |                          |                              |  |
|                 |   |  | Thanh toán bằng tiền mặt | Thanh toán qua ngân hàng | Dẫn nợ vốn đầu tư tăng (mức) |  |
| 1. Mua sửa chữa | 66.037,61                                 | 148.894,70                                   | 387,340                  | 137.132,39               | 10.944,98                    | 19.072,86                                      |
| 2. Mua sửa chữa | 478,621                                   | -  | -                        | -                        | -                            | 478,621  |

|                   |            |            |         |            |           |           |
|-------------------|------------|------------|---------|------------|-----------|-----------|
| Công              | 163.606,21 | 148.004,71 | 387.540 | 121.152,19 | 18.544,90 | 35.591,60 |
| % tổng vốn đầu tư |            | 96,50      | 9,24    | 81,32      | 9,44      | 9,59      |

Tính đến ngày 30/6/2019 thanh toán tiền mua đạt 96,5%.

#### 4.1.2. Phân bổ công nợ vốn đầu tư tăng tương ứng tính đến ngày 30/6/2019

- Số tiền nợ đầu tư phải thu là: 10.715,28 triệu đồng
- Số tiền đã thu là: 10.608,91 triệu đồng
- Số tiền vốn nợ là: 185,16 triệu đồng
- Tỷ lệ thu hồi nợ vốn đầu tư tại ngày 30/6/2019 đạt 99,02%.

#### 4.1.3. Vốn đầu tư vãng nguồn đầu tư SX 2018-2019 tính đến ngày 30/6/2019

- Tiền gởi, phân bổ, thuế trả về là: 3.158,5 triệu đồng
- Tiền mua máy cày cho là: 646,1 triệu đồng
- Tổng số tiền đầu tư là: 4.204,6 triệu đồng.

#### 5.5. Tiền lương, BHXH của người lao động (từ 1/7/2018 đến 30/6/2019).

- Tiền lương bao gồm: lương khoán trong vụ, ngoài vụ sản xuất, lương khoán vào chuồng heo dưỡng, lương phòng nguyên liệu mua là: 16.607,3 triệu đồng
- Lương bình quân người/tháng là: 5,3 triệu đồng
- Số người LĐ tham gia nộp BHXH bắt buộc là: 139 người
- Số tiền BHXH đã nộp là: 5.456 triệu đồng
- Số tiền BHXH nợ tại ngày 30/6/2019: 598 triệu đồng

#### 5.6. Nộp ngân sách.

Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước là: 6.427 triệu đồng đạt 28,3% KH (8.908,8 tr.đ) bao gồm nộp thuế VAT, thuế TNDN, thuế nhập khẩu, thuế môn bài, tiền thuế đất.

### 6. Công tác khác

#### 6.1. Lao động và việc làm

- Tổng số lao động trong thời gian sản xuất: 187 người.
- Số lao động ở lại sau vụ dự là 128 người.
- Số lao động không bố trí được việc làm là 187 người. Đối với người lao động tham gia BHXH bắt buộc Công ty nộp 100% tiền nộp BHXH, BHYT, kinh phí Công đoàn và hỗ trợ tiền với mức 280.000 đ/người/tháng. Đối với người lao động tham gia Bảo hiểm y tế người Công ty chi trả 15% mức lương và hỗ trợ tiền mức 600.000 đ/người/tháng.

#### 6.2. Công tác an ninh trật tự - Công tác PCCC.

- Công tác an ninh trật tự trong Công ty ổn định; phối hợp với cơ quan chức năng địa phương thực hiện tương đối tốt.
- Công tác Điều hành và hướng dẫn xe ra, vào công cơ bản thực hiện tốt.
- Công tác an toàn lao động được an toàn không xảy ra tai nạn lao động.

#### 6.4. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO9001:2015.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì, việc quản chế, truy vết nguyên nhân sau quản chế, vào hành động, quy trình.

## Phần III TỔN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Đối với công tác phát triển vùng nguyên liệu



## 3. Công tác bảo vệ sản phẩm đường

### 3.1. Tấn tạt

- Sản lượng tiêu thụ đường không đạt theo kế hoạch đề ra.
- Sản lượng tiêu thụ bán lẻ bán ở trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận chưa đạt kế hoạch.
- Sản phẩm đường vì chất lượng chưa cao và độ ẩm cao.

### 3.2. Nguyên nhân:

- Khả năng tiêu thụ của sản phẩm Công tác bảo quản sản phẩm đường tại kho bán như không đạt yêu cầu do kho chứa chật hẹp, đường xếp kín thành khối không thông khí, nên khó tiêu...
- Do thị trường đường biến động mạnh, mức giảm sâu ảnh hưởng đến giá bán của Công ty ở mức thấp, giá bán bình quân của Công ty bán dưới giá thành.

## Phần VI MỤC TIÊU KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP MIỄN VỤ 2018-2019 I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT MIỄN VỤ 2019 - 2020

Bảng 05

| STT  | Một số chỉ tiêu chủ yếu                | ĐVT      | TH vụ<br>2018 - 2019 | KH vụ<br>2019- 2020 | Tỷ lệ<br>% |
|------|--|----------|----------------------|---------------------|------------|
| 1    | Tổng diện tích sản xuất vụ Đông xuân   | ha       | 2.140                | 2.423               | 113,21     |
| 2    | Diện tích trồng mía vụ Đông xuân       | ha       | 625                  | 1.180               | 176        |
| 3    | Sản lượng mía sạch                     | tấn      | 192.716,64           | 192.000             | 99,68      |
|      | Mía sản xuất đường                     | tấn      | 190.494,18           | 192.000             | 99,19      |
|      | Mía xuất khẩu (T)                      | tấn      | 2.021,99             | 0                   |            |
| 4    | Năng suất (t/ha)                       | tấn/ha   | 84                   | 81                  | 96,31      |
| 5    | Chiều đường mía (t/ha)                 | tấn      | 18,33                | 17                  | 92,73      |
| 6    | Số ngày sản xuất                       | ngày     | 140                  | 138                 | 98,57      |
| 7    | Số ngày từ sản xuất đến                | ngày     | 113,36               | 98,08               | 86,59      |
| 8    | Công suất từ ngày từ sản xuất đến      | tấn/ngày | 1.706,29             | 1.650,8             | 96,75      |
| 9    | Hệ số suất tiêu thụ mía sạch bình quân | %        | 89,77                | 84,85               | 94,52      |
| 10   | Tỷ lệ mía đường                        | m/ha     | 10,13                | 9,5                 | 93,78      |
| 11   | AP mía ở                               | %        | 32,93                | 30                  | 91,07      |
| 12   | Tổng sản phẩm                          | %        | 18,23                | 16                  | 87,77      |
| 13   | Sản lượng đường sản xuất               | tấn      | 4.834,72             | 9.214,7             | 190,59     |
| 14   | Sản lượng đường nhập trong kỳ          | tấn      | 18.943,63            | 17.832,6            | 89,42      |
| 15   | Tổng SL đường sản xuất + nhập trong kỳ | tấn      | 23.788,37            | 26.207,3            | 110,4      |
| 16   | Tổng SL đường tiêu thụ                 | tấn      | 14.831,96            | 21.207,3            | 143,7      |
| 17   | SL đường tiêu xuất kỳ                  | tấn      | 9.214,72             | 8.000,0             | 85,8       |
| 18   | SL mía ở sản xuất                      | tấn      | 8.273,53             | 6.400               | 77,3       |
| 19   | SL mía ở sản xuất                      | tấn      | 8.273,53             | 6.400               | 77,3       |
| 20   | SL tiêu thụ không đồng loạt tiêu thụ   | tấn      | 1.261,04             | 6.000               | 475,6      |
| 21   | Tổng doanh thu                         | 1000đ    | 162.198.714          | 254.941.022         | 157,21     |
| 21.1 | Doanh thu đường                        | 1000đ    | 144.608.783          | 220.607.562         | 152,54     |
| 21.2 | Doanh thu mía ở                        | 1000đ    | 14.368.482           | 12.819.560          | 88,57      |
| 21.3 | Doanh thu khác                         | 1000đ    | 70.331               |                     |            |
| 21.4 | Doanh thu không đồng loạt              | 1000đ    | 274.009              | 900.000             | 328,46     |
| 21.5 | Doanh thu khác của công ty             | 1000đ    | 2.194.091            |                     |            |

|    |                      |       |             |           |
|----|----------------------|-------|-------------|-----------|
| 22 | Lợi nhuận trước thuế | 100M  | -28.588.581 | 1.815.439 |
| 23 | Cổ tức               | %     | 0           |           |
| 24 | Thu nhập HQ          | 100M  | 1.397       | 1.300     |
| 25 | Tổng số lao động HQ  | người | 216         | 216       |
| 26 | Nộp ngân sách        | 100M  | 1.827.170   | 1.800.000 |

## II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊM VY 2019 - 2020

### 1. Công tác vãng nguyên liệu:

- Về thu mua mùa màng thức ăn gia súc mùa đông bán kính doanh và phù hợp với mặt bằng chung của Việt Nam khi vào vụ. Trong thời gian đang sản xuất nên vận thị trường giá đường; biến động phải điều chỉnh giá thu mua mùa.
- Tiếp tục đầu tư đầu tư phân bón tổng hợp NPK, thuốc trừ sâu kịp thời cho nông dân.
- Lựa chọn thời gian vào vụ thích hợp khi mùa bắt đầu chín. Thu mua mùa kịp thời đến với các hộ nông dân để kịp hợp đồng với Công ty.
- Lập kế hoạch, giám sát việc vận chuyển, vận chuyển mùa chất lượng, vận chuyển mùa đáp ứng chỉ cho công suất nhà máy.
- Tuyên truyền, vận động các nông hộ sản nhập số đối công suất mùa ít nhất từ 8-10 hộ trở lên để rút ngắn thời gian chờ đợi và mùa, hạn chế lượng mùa tồn trữ ruộng lúa ngày.
- Phối kết hợp các Đoàn hành cơ vận chuyển mùa phù hợp với địa bàn và dây truyền sản xuất để hạn chế mùa tồn trữ, mùa tồn trữ mùa vào nhà máy, mùa tồn trữ mùa.
- Tiếp tục Hợp tác với Doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư sản xuất và xuất khẩu mùa sang Trung Quốc theo đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

### 2. Bảo vệ dây truyền sản xuất

- Thực hiện số công tác sản xuất bảo đảm thời bị ngoài vụ áp dụng bán kịp sản xuất hoàn thành trước 30/10/2019 theo kế hoạch; Kiểm tra, nghiệm thu chạy thử thiết bị chất lượng nhằm giảm thiểu sự cố thiết bị trong sản xuất.
- Đầu tư mua số thiết bị như: xích băng tải Cần độ, chỉ tạo hệ thống thiết bị nâng hạ hay nhất, cải tạo hệ thống thiết bị cấp liệu máy lọc bùn nước mùa, đầu tư thay máy khâu đóng bao.
- Cung ứng vật tư thiết bị dự trữ sẵn, kịp thời theo từng giai đoạn SXHD và cho sản xuất.
- Ban hành và quản lý các chỉ tiêu công nghệ, định mức tiêu hao vật tư ở các công đoạn phù hợp với điều kiện dây truyền thiết bị phân cấp tổng sản phẩm như hơn 10%.
- Xếp xếp lại lao động cho phù hợp hiện tại.

### 3. Giải pháp về tiêu thụ đường:

- Tập tạc nghiên cứu chính sách khuyến khích tiêu thụ và tăng thị phần tiêu thụ tại các tỉnh lân cận như Lạng Sơn, Bắc can, Bắc Giang, Thái Nguyên,...
- Có chính sách ưu đãi về giá cho khách hàng lấy số lượng nhiều và khách hàng truyền thống.
- Tổ chức thăm dò ý kiến khách hàng về chất lượng sản phẩm đường và thời độ phục vụ khách hàng.
- Nâng cao chất lượng đóng gói, chất lượng bảo quản sản phẩm.
- Điều chỉnh giá bán lẻ bán - mua là. Thực hiện theo gom, tập kết, xuất bán lẻ bán - mua là cho nông dân kịp thời.

### 4. Các giải pháp đối với công tác khác.

- Tiếp tục cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ phát triển công nghệ nguyên liệu, tổ chức bộ máy, thị trường tiêu thụ và công tác tài chính.
- Định hướng cơ cấu lại lao động, tính giảm lao động giảm số lượng lao động công ty.
- Căn cứ vào định hướng của đối tác vốn cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu tài liệu ISO, bổ sung các hạng mục cần thiếu trong ISO 9001:2015, các tài liệu phục vụ chuyển đổi. Sửa đổi, bổ sung hướng dẫn vận hành, quy trình làm việc, chế độ công việc và biện pháp phòng ngừa, rủi ro.
- Tăng cường tuân thủ các quy định của pháp luật. Phối hợp với Cơ quan chức năng duy trì và công tác an ninh nội bộ.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, ban kiểm soát
- Các đơn vị
- Các cơ quan
- Lưu VT, Phòng WED



**Nguyễn Văn Lạc**

Số: **QĐP/TTĐ - HĐQT**

*Cao Bằng, ngày 14 tháng 10 năm 2019*

## **TỜ TRÌNH**

*Về: Thông qua các báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS*

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong HĐQT 2018-2019; Kế hoạch hoạt động trong HĐQT 2019-2020.
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát HĐQT 2018-2019; Phương hướng hoạt động trong HĐQT 2019-2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:  
- Công đồng;  
- Lưu VT.



**Sông Văn Lạc**

Số: ĐLCT /TT - HĐQT

Cao Bằng, ngày 22 tháng 10 năm 2019

## TỜ TRÌNH

Về: Thống qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm độ 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm độ 2019 - 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2010/QH13 ngày 28/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống qua nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm độ tài chính 2018 - 2019.

| STT | Chỉ tiêu                          | ĐVT   | Kế hoạch<br>NĐTC 2018<br>- 2019 | Thực hiện<br>NĐTC 2018 -<br>2019 | KHƯTH<br>(%) |
|-----|-----------------------------------|-------|---------------------------------|----------------------------------|--------------|
| 1   | Sản lượng mía ép                  |       |                                 |                                  |              |
|     | - Sản lượng mía ép cho SX đường   | Tấn   | 168.000                         | 190.894                          | 113,18       |
|     | - Sản lượng mía ép cho xuất khẩu  | Tấn   | 28.000                          | 2.822                            | 7,22         |
| 2   | Sản lượng đường nhập kho          | Tấn   | 17.382                          | 18.945                           | 108,93       |
| 3   | Sản lượng mặt rỉ nhập kho         | Tấn   | 6.250                           | 8.373                            | 133,04       |
| 4   | Sản lượng phân vi sinh            | Tấn   | 0                               | 25                               |              |
|     | Sản lượng phân hữu cơ             | Tấn   | 4.850                           | 1.281                            | 21,13        |
| 5   | Tổng doanh thu                    | Tr. đ | 265.964                         | 162.180                          | 60,97        |
| 6   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr. đ | 4.600                           | (28.755)                         |              |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                | Tr. đ | 3.680                           | (28.755)                         |              |



**TỜ TRÌNH**

*Về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2018 - 2019*

**Kính gửi:**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019**

**Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2018 - 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm tài chính 2018 - 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APC Việt Nam (Báo cáo kiểm toán độc lập số 038/2019/BCKT-PA.09034 ngày 20/09/2019).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 chấp thuận thông qua.

**Nơi nhận:**  
- Công đồng;  
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**NÔNG VĂN LẠC**

**Trình**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Của năm tài chính: Từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2019**

(Kèm theo và trình số 426/TT-HĐQT-MD ngày 29 tháng 08 năm 2019)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sữa đường Cao Bằng nhiệm kỳ 2018 - 2020 báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty của năm tài chính: Từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán độc lập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

**I- VỐN ĐẦU TƯ:**

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2019: 35.279.258.000 VND

Gồm:

| STT | Chi tiết           | Vốn góp          |                     |                       | Chiếm tỷ lệ % |
|-----|--------------------|------------------|---------------------|-----------------------|---------------|
|     |                    | Số cổ phần       | Mệnh giá 1 CP (VNĐ) | Giá trị vốn góp (VNĐ) |               |
| 1   | Cổ đông là cá nhân | 3.331.915        | 10.000              | 33.319.258.000        | 94,43         |
| 2   | Cổ đông là tổ chức | 178.090          | 10.000              | 1.780.990.000         | 5,57          |
|     | <b>Cộng</b>        | <b>3.510.005</b> |                     | <b>35.100.248.000</b> | <b>100</b>    |

**II- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

**1- Hội đồng quản trị:**

- |                       |                            |
|-----------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc   | - Chủ tịch HĐQT            |
| 2. Ông Ma Trung Lập   | - Phó chủ tịch HĐQT        |
| 3. Ông Lê Anh Tuấn    | - Ủy viên thường trực HĐQT |
| 4. Ông Nông Văn Thuận | - Ủy viên HĐQT             |
| 5. Bà Vũ Thị Quyết    | - Ủy viên HĐQT             |

**3- Ban kiểm soát:**

- |                        |                        |
|------------------------|------------------------|
| 1. Bà Hoàng Thị Quyết  | - Trưởng ban kiểm soát |
| 2. Ông Trương Minh Đức | - TV Ban kiểm soát     |
| 3. Ông Đinh Bá Đình    | - TV Ban kiểm soát     |

**3- Ban Tổng giám đốc:**

- |                     |                           |
|---------------------|---------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc | - Tổng giám đốc điều hành |
| 2. Ông Ma Trung Lập | - Phó tổng giám đốc       |
| 3. Bà Nông Thị Nộn  | - Phó tổng giám đốc       |

**III- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN. Từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2019.**

**1- Kết quả sản xuất kinh doanh:**

| CHỈ TIÊU                                  | Đơn vị tính: Đồng                          |  |
|---|--|--|
|   | Từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2018 | Từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/06/2017 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 142.190.715.495                            | 216.391.436.779                            |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu           | 34.306.280                                 | 149.833.522                                |
| <b>Hàng bán đi và dự</b>                  | <b>107.884.435</b>                         | <b>166.500.000</b>                         |
| <b>Chi phí bán hàng</b>                   | <b>21.523.380</b>                          | <b>117.484.093</b>                         |

|  |                  |                  |
|--|------------------|------------------|
| 3. Doanh thu thuần ( 18 - 1-2)                         | 142.145.895,223  | 216.151.564,677  |
| 4. Chi phí hàng bán                                    | 181.883,879,627  | 127.668,896,223  |
| 5. Lợi nhuận gộp (20 = 30-11)                          | (39.737.984,404) | (10.908.118,866) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 78.528,000       | 41.887,488       |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính                         | 3.743.142,168    | 3.893,736,817    |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                              | 3.683.493,249    | 3.833.483,347    |
| 8. Chi phí bán hàng                                    | 3.132,319,849    | 1.377,675,346    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 5.162.940,378    | 7.368.418,349    |
| 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ( 30 = 20+21+22) | (28.887,716,711) | (22.763,879,447) |
| 11. Thu nhập khác                                      | 4.734.881,418    | 7.734,689,151    |
| 12. Chi phí khác                                       | 4.121,688,171    | 8.729,414,813    |
| 13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 -32)                      | 213,112,848      | (874,885,862)    |
| 14. Tổng lợi nhuận trước thuế ( 30 + 30 + 40)          | (18,084,503,664) | (30,347,683,349) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                        | 68,518,080       | -                |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                         | -                | -                |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 40 = 30+11-32)           | (28,758,112,244) | (31,287,883,349) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | (8,931)          | (79,436)         |

### 3- Tài sản, nguồn vốn

|           | TÀI SẢN                             | Đơn vị tính: Đồng      |                       |
|-----------|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
|           |                                     | Tai ngày 30/09/2019    | Tai ngày 30/09/2018   |
| <b>A.</b> | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>198,771,236,279</b> | <b>79,493,817,710</b> |
| 1.        | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 2,332,888,808          | 817,824,688           |
| 2.        | Tiền                                | 1,073,588,519          | 897,828,685           |
| 3.        | Các khoản phải trả ngắn hạn         | -                      | -                     |
| 4.        | Các khoản phải thu                  | 28,788,175,241         | 78,878,844,258        |
| 1.        | Phải thu của khách hàng             | 8,349,264,747          | 12,835,148,813        |
| 2.        | Tại trước cho người bán ngắn hạn    | 186,362,308            | 1,868,578,000         |
| 3.        | Các khoản phải thu khác             | 1,893,198,186          | 6,123,958,844         |
| 4.        | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (333,686,089)          | (384,712,000)         |
| 5.        | Tài sản khác chờ xử lý              | 362,239,213            | 311,231,558           |
| <b>IV</b> | <b>Hàng tồn kho</b>                 | <b>96,668,943,879</b>  | <b>56,219,784,477</b> |

Từ trích số thông tin này để tính để tính toán các chỉ số khác 2019 - 2018

|                   |                                 |                   |                   |
|-------------------|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| 1                 | Hàng tồn kho                    | 111.326.898,271   | 66.926.749,948    |
| 5                 | Đẩy phòng giảm giá hàng tồn kho | (14.607.995,195)  | (11.798.766,479)  |
| IV                | Tài sản ngắn hạn khác           | -                 | 16.941,297        |
| 1                 | Chi phí trả trước ngắn hạn      | -                 | -                 |
| 2                 | Thuế GTGT cần được khấu trừ     | -                 | 16.941,297        |
| 3                 | Tài sản ngắn hạn khác           | -                 | -                 |
| B.                | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ BẤT ĐỘNG SẢN | 81.496.660,488    | 89.704.883,143    |
| I.                | Các khoản phải thu dài hạn      | -                 | -                 |
| IX.               | Tài sản cố định                 | 81.496.173,133    | 73.893.127,839    |
| 1.                | Tài sản cố định hữu hình        | 81.008.458,615    | 69.268.129,891    |
|                   | - Nguyên giá                    | 242.923.806,818   | 238.128.744,982   |
|                   | - Giá trị hao mòn lũy kế        | (171.921,381,113) | (168.876,014,771) |
| 2.                | Tài sản cố định thuê tài chính  | -                 | -                 |
| 3.                | Tài sản cố định vô hình         | 1.368.653,728     | 4.625.007,947     |
|                   | - Nguyên giá                    | 1.843.128,474     | 4.999.476,454     |
|                   | - Giá trị hao mòn lũy kế        | (473,474,766)     | (433,918,547)     |
| X.                | Bất động sản đầu tư             | -                 | -                 |
| IV.               | Tài sản dở dang dài hạn         | 1.608.173,953     | 1.157.127,866     |
| 1.                | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 1.608.173,953     | 1.157.127,866     |
| V.                | Đầu tư tài chính dài hạn        | -                 | -                 |
| V.                | Tài sản dài hạn khác            | 26.477.165,172    | 26.486.847,344    |
| 1.                | Chi phí trả trước dài hạn       | 18.417.943,172    | 18.661.547,328    |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN |                                 | 198.227.797,789   | 184.807.521,864   |

| TÀI SẢN   |                                     | Tại ngày<br>30/06/2019 | Tại ngày<br>30/06/2018 |
|-----------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A.</b> | <b>SỐ PHẢI THU</b>                  | <b>116.971.739,383</b> | <b>81.897.528,494</b>  |
| <b>I.</b> | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>116.541.348,183</b> | <b>79.383.828,494</b>  |
| 1.        | Phải trả người bán ngắn hạn         | 26,891.179,148         | 7.573.750,273          |
| 2.        | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 16,891.127,606         | 1,014,059,280          |
| 3.        | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 488,479,842            | 767,911,441            |

Chức năng và thông tin chi tiết các tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2018 - 2019

|                            |  |                        |                        |
|----------------------------|--|------------------------|------------------------|
| 4.                         | Phải trả người lao động                | 1,455,869,148          | 2,319,878,788          |
| 5.                         | Chi phí phải trả ngắn hạn              | 144,880,000            | 278,880,000            |
| 6.                         | Phải trả ngắn hạn khác                 | 5,462,982,164          | 2,751,847,175          |
| 7.                         | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn      | 80,477,148,000         | 19,880,000,000         |
| 8.                         | Quy định dự, khoản thanh               | 2,378,755,668          | 2,987,178,668          |
| 9.                         | Hợp đồng mua                           | 2,551,197,609          | 2,533,197,609          |
| 1.                         | Quy định trả lương học sinh, sinh viên | 2,171,791,800          | 2,101,791,800          |
| B.                         | <b>TRẠNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>            | <b>54,155,858,756</b>  | <b>82,918,300,630</b>  |
| 1.                         | Vốn chủ sở hữu                         | 54,178,613,176         | 82,875,300,630         |
| 1.                         | Vốn đầu tư của chủ sở hữu              | 15,279,290,000         | 15,279,290,000         |
| 2.                         | Thặng dư vốn cổ phần                   | 3,843,264,681          | 3,843,264,681          |
| 3.                         | Quy định trả phải trả                  | 66,894,768,800         | 66,894,768,800         |
| 7.                         | Quy định trước vốn chủ sở hữu          | 9,886,282,112          | 9,886,282,112          |
| 8.                         | Lợi nhuận chưa phân phối               | 16,103,487,293         | (35,218,344,586)       |
|                            | - UNST chưa phân phối năm trước        | (15,218,344,586)       | 16,118,963             |
|                            | - UNST chưa phân phối năm nay          | (18,751,142,194)       | (15,287,887,549)       |
| 9.                         | <b>Nguồn hình phạt và quỹ khác</b>     | <b>75,600,000</b>      | <b>75,600,000</b>      |
| 1.                         | Nguồn hình phạt                        | 15,800,000             | 15,800,000             |
| 2.                         | Nguồn hình phạt đã hình thành (TSCĐ)   |                        |                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |  | <b>166,377,797,758</b> | <b>166,987,821,084</b> |

\* Ghi chú: Số 0 trong dấu ( ) là ghi số âm (-)

## IV. THUYẾT MINH CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ SXKD

Đơn vị tính: Đồng

Từ ngày 01/01/2018

đến hết 30/06/2019

VNĐ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán thành phẩm 130,418,781,579

Doanh thu bán hàng hóa 31,761,604,809

162,180,386,388

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiếm giữ hàng bán

21,515,283

|                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| Hàng bán bị mất lại | 12,889,080        |
|                     | <b>34,818,385</b> |

### 3. Gửi vào hàng bán

|                                |                        |
|--------------------------------|------------------------|
| Gửi vào bán thành phần chi bán | 173,265,834,997        |
| Gửi vào vào hàng bán chi bán   | 1,923,864,706          |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1,891,530,364          |
|                                | <b>181,881,679,417</b> |

### 4. Doanh thu tài chính

|                                     |                   |
|-------------------------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi                        | 13,401,818        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đổi thực hiện | 65,078,987        |
|                                     | <b>78,480,805</b> |

### 5. Chi phí tài chính

|                                    |                      |
|------------------------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay                       | 3,685,893,148        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đổi thực hiện | 56,782,653           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá mua thực hiện | 866,393              |
|                                    | <b>3,743,542,194</b> |

### 6. Chi phí bán hàng

|                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | 137,174,248          |
| Chi phí khấu hao TSCĐ      | 128,188,584          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 803,831,136          |
| Chi phí bằng tiền khác     | 24,933,830           |
|                            | <b>1,094,126,800</b> |

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|   |                      |
|---|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý               | 2,899,323,864        |
| Thuế từ cổ đông vào phòng               | 238,609,817          |
| Khấu hao tài sản cố định                | 497,258,790          |
| Thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất        | 858,727,867          |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài              | 1,862,403,718        |
| Chi phí bằng tiền khác                  | 244,830,284          |
| Thuế nhập dự phòng cơ phải thu khác-dối | 952,832,889          |
|   | <b>6,394,987,379</b> |

### 8. Thuế nhập khẩu

|  |                      |
|--|----------------------|
| Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ             | 340,680,808          |
| Doanh thu phân bổ, mua giống... xuất cho VNL | 1,856,383,717        |
| Các khoản thu nhập khác                      | 37,908,723           |
|  | <b>4,134,973,348</b> |

### 9. Chi phí khác

|  |               |
|--|---------------|
| Gửi vào phân bổ, M&C, TTC .... Xuất cho VNL, mua | 1,944,078,182 |
|--|---------------|

Tổng cộng những giá trị của các tài chính đã liệt kê trên của các tài chính 2017-2018

Các khoản khác: 181.818,459  
4.129.688,379

Đã. Kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2018

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: (18.759,142,244)

Trên đây là bản tóm tắt báo cáo về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán. Hội đồng quản trị xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Nơi nhận:  
 - Chủ tịch;  
 - Lưu NT

**TÀI HỮU ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Nông Văn Lạp

Số: 423/TT-HĐQT

Cao Bằng, ngày 28 tháng 10 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**Về: Lựa chọn công ty kiểm toán niên độ tài chính 2019 - 2020**

**Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2019 - 2020 và xuất kết quả báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:  
- Cổ đông;  
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nông Văn Lạc**

Số: ĐP/CTH - HĐQT

Cao Bằng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

## TỜ TRÌNH

Về: Phân phối lợi nhuận năm độ 2018 - 2019  
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm độ 2019 - 2020

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm độ 2018 - 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APC.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

### I. Phân phối lợi nhuận năm độ 2018 - 2019:

Dựa kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2018-2019 của Công ty bị lỗ, nên không có nguồn để thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định.

### II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm tài chính 2019-2020.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm độ 2019 - 2020 của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là 1,314 triệu đồng. HĐQT cổ quản, sẽ dựn lợi nhuận sau thuế thực hiện của niên độ tài chính 2019-2020 sẽ bù đắp lỗ lũy kế, và lợi nhuận còn lại (nếu có) công ty sẽ phân phối theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:  
- Cổ đông;  
- Lưu VT.

TH. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lợi

*Số 428/TT-HĐQT*

*Cao Bằng, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

**TỜ TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

*Nội dung: Thông qua Báo cáo HĐQT, BKS niên độ 2018 – 2019  
và kế hoạch chủ trương niên độ 2019 – 2020*

**Kính trình:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019  
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2014/QH12 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Quy chế phân phối của tương vụ áp 2018 - 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ vào tình hình thực tế chi trả chi phí hoạt động của HĐQT, BKS từ tháng 07/2018 đến hết tháng 06/2019.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng báo cáo tình hình thực hiện chi trả chủ trương về chi phí hoạt động của HĐQT, BKS từ tháng 07/2018 đến hết tháng 06/2019 như sau:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III: Gồm 5 thành viên. Trong đó có 1 chủ tịch HĐQT, 1 phó chủ tịch HĐQT, 1 ủy viên thường trực HĐQT, 2 ủy viên HĐQT.

Ban kiểm soát nhiệm kỳ III: Gồm 3 thành viên. Trong đó có 1 trưởng BKS, 2 ủy viên BKS.

**NỘI DUNG:**

**1- Thủ tục của HĐQT, BKS:**

Các thành viên của HĐQT và BKS được kiểm nhiệm của chức danh quản lý Công ty, vì vậy thủ tục được hưởng bao gồm tiền lương theo chức danh quản lý và phụ cấp HĐQT và BKS.

**1.1. Căn cứ tính:**

- Đối với tiền lương theo chức danh quản lý của HĐQT, BKS: Được quy định chung theo quy chế phân phối tiền lương vụ áp 2018-2019 của Công ty.
- Đối với phụ cấp HĐQT và BKS: Được tính theo hệ số phụ cấp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 nhất trí thông qua. Cụ thể:
  - + Hội đồng quản trị: Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,6/ tháng.

Pho chủ tịch HĐQT tỷ số phụ cấp là 1,15/ tháng,  
 ủy viên thường trực HĐQT tỷ số PC là 1,25/ tháng,  
 ủy viên HĐQT tỷ số phụ cấp là 1,15/ tháng/người.

+ Ban kiểm soát:

Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo tỷ số lương là 6,3/ tháng,

ủy viên BKS tỷ số phụ cấp là 0,6/ tháng/ người,

Mức tiền lương chi trả của Công ty áp dụng là: 1.538.000 đồng

1.2. Thời hạn chi trả thực tế của HĐQT, BKS:

Thời hạn chi trả cho HĐQT:

Đơn vị tính: Đồng

| STT       | Họ và tên        | Chức danh trong HĐQT | Chức danh quản lý | Thời hạn HĐQT                |              |
|-----------|------------------|----------------------|-------------------|------------------------------|--------------|
|           |                  |                      |                   | Tiền lương theo chức danh QL | Phụ cấp HĐQT |
| 1         | Nguyễn Văn Lào   | Chủ tịch HĐQT        | Tổng giám đốc     | 149.258.000                  | 25.280.000   |
| 2         | Mai Trung Lập    | Phó CT HĐQT          | Phó TGĐ           | 130.115.000                  | 24.708.000   |
| 3         | Lê Anh Tuấn      | Thành viên           | Tr.P. KHKD        | 98.153.000                   | 12.875.000   |
| 4         | Mai Thị Quyết    | Thành viên           | Kế toán trưởng    | 120.353.000                  | 21.045.000   |
| 5         | Nguyễn Văn Thuận | Thành viên           | NV P. kỹ thuật    | 77.633.000                   | 21.045.000   |
| Tổng cộng |                  |                      |                   | 575.511.000                  | 118.953.000  |

Thời hạn chi trả cho BKS:

Đơn vị tính: Đồng

| STT       | Họ và tên       | Chức danh trong BKS | Chức danh quản lý | Thời hạn BKS                 |             |
|-----------|-----------------|---------------------|-------------------|------------------------------|-------------|
|           |                 |                     |                   | Tiền lương theo chức danh QL | Phụ cấp BKS |
| 1         | Hoàng Thị Quyết | Trưởng BKS          |                   | 108.912.000                  | 0           |
| 2         | Trương Minh Đức | Thành viên          | QĐ xưởng DL       | 108.957.000                  | 10.000.000  |
| 3         | Trần Bá Đình    | Thành viên          | QĐ xưởng CĐ       | 124.336.000                  | 10.000.000  |
| Tổng cộng |                 |                     |                   | 342.205.000                  | 20.000.000  |

2- Chi phí khác:

Do các thành viên của HĐQT và BKS đều kiêm nhiệm các chức danh quản lý điều hành Công ty, vì vậy các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT và BKS cũng là chi phí quản lý điều hành chung của các chức danh quản lý Công ty.

3 - Kế hoạch chi trả thời hạn, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm 2019-2020 (từ tháng 7/2019 đến hết tháng 6/2020).

3.1. Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý Công ty, Ban chấp hành đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ cấp 2019 - 2020 của Công ty.

3.2. Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số phụ cấp:

- Đối với thành viên HĐQT: Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,6/ tháng.  
Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.  
Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,25/ tháng.  
Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.  
Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 0,5/ tháng.  
Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ người/ tháng.
- Đối với thành viên BKS:

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp. Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ cấp 2019 - 2020.

3.3. Các chế độ phúc khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và chấp thuận thông qua/.

Kính gửi:  
- Chủ tịch;  
- Ban VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN LẬP

Số ~~000~~/TT-HĐQT

Cao Bằng, ngày 27 tháng 10 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**Đề: Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiến nghị Tổng giám đốc Công ty**

**Kinh phí Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 03/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiến nghị Tổng giám đốc công ty năm độ tài chính 2019 - 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Năng Văn Lục**

Nơi nhận:  
- Chủ tịch;  
- Lưu VT.

Số: 48/TT-HĐQT

Cao Bằng, ngày 24 tháng 10 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

Về: Thông qua Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 58/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/08/2017 của Chính phủ, hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng thông qua ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Dễ phục vụ nhu cầu kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua để miễn và việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng như sau:

- Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng tính đến hết ngày 31/07/2019 là Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo pháp luật của CTCP Mía đường Cao Bằng kể từ ngày 01/08/2020 là Chủ tịch Hội đồng quản trị

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua và đề Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 01/08/2020, đồng thời ủy quyền cho HĐQT sửa đổi Điều lệ và thực hiện các thủ tục và liên quan đến việc Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo Pháp luật của công ty sao cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:  
- Cổ đông;  
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nông Văn Lợi**

Cao Bằng, ngày 31 tháng 10 năm 2019



## BIÊN BẢN CUỘC HỌP

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Tên và chức vụ: Thủ tục tại Lạng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Quyết định của HĐQT số 480/10012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2008, thay đổi lần thứ 1 ngày 03/08/2018.

Thời gian: 7 giờ thứ năm ngày 31 tháng 10 năm 2019

Địa điểm: Hội trường Công ty, Thị trấn Trà Lống, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

#### PHẦN I: NỘI DUNG KHAI MẠC CUỘC HỌP

##### I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

- Người báo cáo: Bà Hoàng Thị Quých – Chủ tịch Thường ban kiểm soát
- Nội dung báo cáo:
  - Tổng số cổ đông mới tham dự: Toàn bộ cổ đông và tên trong danh sách cổ đông chính đến ngày 15/10/2019, số tên \_\_\_\_\_ và phần cổ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
  - Cổ đông tham dự Đại hội \_\_\_\_\_ và đồng và đại diện cổ đông, số tên và đại diện sẽ bầu cho \_\_\_\_\_ và phần cổ quyền biểu quyết, chiếm \_\_\_\_\_ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
  - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty có phần Mía đường Cao Bằng đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

##### II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phấn.

###### 1. Đoàn Chủ tịch:

Ông Nông Văn Lạc

Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội

Ông Ma Trung Lập

Thành viên HĐQT

Bà Hoàng Thị Quých

Trưởng Ban kiểm soát

###### 2. Thư ký:

Ông/ Bà \_\_\_\_\_

Trưởng ban Thư ký

Ông/ Bà \_\_\_\_\_

Thành viên ban Thư ký

###### 3. Ban Kiểm Phấn:

Ông/ Bà \_\_\_\_\_

Trưởng ban Kiểm Phấn

Ông/ Bà \_\_\_\_\_

Thành viên ban Kiểm Phấn

Tại đây Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

Ông/ Bà .....

Thành viên ban Kiểm phiếu

Dại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

### III. Giải thích Chương trình Đại hội

Ông Nông Văn Lạc – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Dại hội thông qua Chương trình Đại hội

### PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ HĐQT 2018 - 2019 và phương hướng nhiệm vụ HĐQT 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2018 - 2019 và phương hướng hoạt động niên độ tài chính 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2018 - 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2018 - 2019.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tờ trình Thông qua Báo cáo HĐQT, ĐC&S.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tờ trình Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh HĐQT 2018 - 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh HĐQT 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2018 - 2019.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tờ trình trả lời HĐQT, ĐC&S, ban TGD niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch niên độ 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán niên độ 2019 - 2020.
- Ông/ Bà ... trình bày: Tờ trình việc tái tịch HĐQT kiểm TGD

### PHẦN III: KIẾN CỬA CỔ ĐÔNG

Cổ đông nào của của hội nào:

1. ....
2. ....
3. ....

Ông ... - Chức vụ ... giải đáp như sau:

1. ....
2. ....
3. ....

## PHẦN IV. CỐ ĐỒNG HIỆU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung của Báo cáo và của Tổ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết như có thống qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1:** Thống qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch niên độ 2019 - 2020.

### Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 2:** Thống qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch kinh doanh niên độ 2019 - 2020.

| STT | Chỉ tiêu                          | ĐVT  | Thực hiện<br>NDTC 2018 -<br>2019 | Kế hoạch<br>NDTC 2019 -<br>2020 | KH/TH<br>(%) |
|-----|-----------------------------------|------|----------------------------------|---------------------------------|--------------|
| 1   | Sản lượng mica dự:                |      |                                  |                                 |              |
|     | - Sản lượng mica dự cho SX đường  | Tấn  | 198.894                          | 182.000                         | 86,45        |
|     | - Sản lượng mica dự cho xuất khẩu | Tấn  | 2.033                            | 0                               | -            |
| 2   | Sản lượng đường                   | Tấn  | 18.943                           | 17.032                          | 89,90        |
| 3   | Sản lượng xuất xi măng khô        | Tấn  | 8.373                            | 6.480                           | 77,39        |
| 4   | Sản lượng phân vi sinh            | Tấn  | 39                               | 0                               |              |
|     | Sản lượng phân hữu cơ             | Tấn  | 1.264                            | 8.800                           | 475,81       |
| 5   | Tổng doanh thu                    | Tr.đ | 182,180                          | 234,541                         | 144,61       |
| 6   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr.đ | (28,735)                         | 1,695                           |              |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                | Tr.đ | (28,735)                         | 1,324                           |              |

### Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty cổ phần Mica đường Cao Bằng

**Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2018 - 2019,**

**Phân bổ quyền:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 - 2020.**

1. Không phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2018 - 2019.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2019 - 2020:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2019 - 2020 của Công ty Cổ phần Bền vững, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là ... triệu đồng, HĐQT đề xuất, sử dụng lợi nhuận sau thuế thực hiện của niên độ tài chính 2019 - 2020 để bù đắp lỗ lũy kế, số lợi nhuận còn lại (nếu có) cộng với số phân phối theo quy định.

**Phân bổ quyền:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 5. Thông qua thủ tục của HĐQT, BKS, ban TCGĐ niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục của HĐQT, BKS, ban TCGĐ niên độ 2019 - 2020.**

Nội dung chi tiết thủ tục của HĐQT, BKS, ban TCGĐ trong tờ trình thủ tục của HĐQT, BKS, ban TCGĐ niên độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục của HĐQT, BKS, ban TCGĐ niên độ 2019 - 2020.

**Phân bổ quyền:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 6. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán niên độ 2019 - 2020.**

Cy quyết của Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và (đ) ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đại diện chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn

*Xin báo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty cổ phần Bền vững Cao Bằng*



giảm dịch chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn loại chứng khoán trên cơ sở điều lệ tài chính 2019 - 2020.

**Phần biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điểm 7: Thông qua việc chủ tịch HĐQT kiêm TGB,**

**Phần biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điểm 8: Thông qua Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Midea đường Cao Bằng.**

**Phần biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho ... cp, chiếm ... % số cổ phần biểu quyết dự họp.

**PHẦN V: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP**

Người trình bày – Ông/ Bà: ..... đọc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Người trình bày – Ông/ Bà: ..... đọc biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và chủ tịch thông qua toàn văn Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với ... % số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Midea đường Cao Bằng.

Đại hội kết thúc: .... giờ .... cùng ngày.

**THỦ KÝ ĐẠI HỘI**

**TM. BAN CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỊCH BAN**

**Nông Văn Lợi**

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty cổ phần Midea đường Cao Bằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Cao Bằng, ngày 11 tháng 10 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**Thành**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2015/QH12 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Điều 64a khoản 1 điều 100 của Luật doanh nghiệp năm 2014 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 11/10/2019;
- Căn cứ Điều 64a khoản 1 điều 100 của Luật doanh nghiệp năm 2014 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 11/10/2019.

**QUYẾT NGHỊ**

Ngày 31/10/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được tổ chức với sự tham gia của [...] cổ đông và đại diện cổ đông, số hữu và đại diện số hữu cho [...] cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm [...] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ 2018 – 2019 và kế hoạch niên độ 2019 – 2020.

**Phân bổ biểu quyết:**

Tổng số phiếu của thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không của thành ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến ... đại diện cho ... cp, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

**Biểu 2. Thông quan Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm độ 2019 – 2019 và kế hoạch kinh doanh năm độ 2019 – 2020.**

Kế hoạch kinh doanh năm độ 2019 - 2020:

| STT | Chỉ tiêu                           | ĐVT  | Thực hiện<br>NDTC 2019 -<br>2019 | Kế hoạch<br>NDTC 2019 -<br>2020 | KH/TH<br>(%) |
|-----|------------------------------------|------|----------------------------------|---------------------------------|--------------|
| 1   | Sản lượng tiêu thụ:                |      |                                  |                                 |              |
|     | - Sản lượng tiêu thụ cho SX đường  | Tấn  | 190,694                          | 163,000                         | 84,95        |
|     | - Sản lượng tiêu thụ cho xuất khẩu | Tấn  | 2,032                            | 0                               | -            |
| 2   | Sản lượng đường                    | Tấn  | 18,945                           | 17,832                          | 90,00        |
| 3   | Sản lượng mặt ri nhúng kẹo         | Tấn  | 8,171                            | 6,488                           | 77,99        |
| 4   | Sản lượng phân vi sinh             | Tấn  | 25                               | 0                               |              |
|     | Sản lượng phân hữu cơ              | Tấn  | 1,261                            | 6,080                           | 479,81       |
| 5   | Tổng doanh thu                     | Tr.đ | 160,188                          | 234,341                         | 144,81       |
| 6   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh  | Tr.đ | (28,793)                         | 1,835                           |              |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                 | Tr.đ | (28,793)                         | 1,324                           |              |

#### **Phân bổ phiếu**

Tổng số phiếu tín thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tín thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

**Biểu 3. Thông quan Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm năm độ 2018 – 2019.**

#### **Phân bổ phiếu:**

Tổng số phiếu tín thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tín thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Bê tông Cầu Vàng

Tổng số phiếu không có ý kiến ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

**Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm độ 2018 - 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm độ 2019 - 2020.**

1. Không phân phối lợi nhuận năm 2018 - 2019.
2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm độ 2019 - 2020

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm độ 2019 - 2020 của Công ty Cổ phần Miền đường, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là 1,124 triệu đồng. HĐQT đề xuất, và được lợi nhuận sau thuế thực hiện của năm độ tài chính 2018 - 2020 đã trả đáp số đầy đủ, số lợi nhuận còn lại (nếu có) công ty sẽ phân phối theo quy định.

**Phân bổ phiếu:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

**Điều 5. Thông qua thủ tục của HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục của HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2019 - 2020.**

Nội dung chi tiết thủ tục của HĐQT, BKS, ban TGD trong và trình thủ tục HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2018 - 2019 và kế hoạch thủ tục HĐQT, BKS, ban TGD năm độ 2019 - 2020.

**Phân bổ phiếu:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho ... cp, chiếm: ...% số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

**Điều 4: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm độ 2019 – 2020.**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán của Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn lựa chọn đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2018 - 2019.

**Phân biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 7: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.**

**Phân biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

**Điều 8: Thông qua Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Hòa đường Cao Bằng.**

**Phân biểu quyết:**

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ... đại diện cho: ... cp, chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Nghị quyết được BHDCTĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được thông qua toàn văn ngày 14/06/2019, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nông Văn Lợi**

